



BẢN CÁO BẠCH

Năm 2018

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----o0o-----

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 15 tháng 12 năm 2017)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
(Đăng ký niêm yết số/ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

Địa chỉ: 162B Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3547 2357

Fax: 028 3848 6552

Email: info@dongduongcorp.com.vn

Website: dongduongcorp.com.vn

2. Công ty cổ phần Chứng Khoán SJC

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3911 9999

Fax: 028 39118888

Email: info@sjcs.com.vn

Website: www.sjcs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông : Trần Kim Cương

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Điện thoại : 0909 809 868

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP
KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp
lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 15 tháng 12 năm 2017)

Địa chỉ: 162B Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3547 2357

Fax: 028 3848 6552

Email: info@dongduongcorp.com.vn

Website: www.dongduongcorp.com.vn



**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 12.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 120.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ *Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội*

Địa chỉ: Số 3 ngõ 1295 Giải Phóng, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 02439745080/81/81

Fax: 02439745083

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Website: www.cpahanoi.com

❖ *Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán & kiểm toán phía Nam*

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838 205944/47

Fax: 02838205942

Email: info@aascs.com.vn

Website: www.aascs.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty cổ phần Chứng Khoán SJC

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283911 9999

Fax: 0283911 8888

Email: info@sjcs.com.vn

Website: www.sjcs.com.vn

MỤC LỤC

PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù	10
4. Rủi ro biến động chứng khoán	12
5. Rủi ro khác	13
PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CAO BẠCH	13
1. Tổ chức đăng ký niêm yết	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	14
PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	22
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 07/08/2018	28
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối	32
6. Hoạt động kinh doanh	32
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	55
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	59
9. Chính sách đối với người lao động	62
10. Chính sách cổ tức.....	65
11. Tình hình hoạt động tài chính	65
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	81
13. Tài sản	91
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo	95
15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	102

16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	102
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký niêm yết	102
PHẦN V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT		103
1.	Loại chứng khoán	103
2.	Mệnh giá.....	103
3.	Mã chứng khoán	103
4.	Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch.....	103
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:	103
6.	Phương pháp tính giá.....	105
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	106
8.	Các loại thuế có liên quan	106
PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT		107
1.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	107
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	107
PHẦN VII. PHỤ LỤC		108

BẢNG BIỂU

Bảng 1.	Cơ cấu cổ đông tại ngày 07/8/2018.....	28
Bảng 2.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.....	29
Bảng 3.	Danh sách cổ đông sáng lập.....	31
Bảng 4.	Cơ cấu doanh thu thuần.....	38
Bảng 5.	Cơ cấu lợi nhuận gộp.....	40
Bảng 6.	Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào.....	42
Bảng 7.	Cơ cấu chi phí.....	44
Bảng 8.	Danh sách một số hợp đồng tiêu biểu đã và đang thực hiện.....	53
Bảng 9.	Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	55
Bảng 10.	Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2018.....	62
Bảng 11.	Các khoản phải nộp theo luật định.....	66
Bảng 12.	Tình hình dư nợ vay.....	67
Bảng 13.	Các khoản phải thu.....	72
Bảng 14.	Các khoản phải trả.....	75
Bảng 15.	Tình hình hàng tồn kho.....	77
Bảng 16.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.....	79
Bảng 17.	Các chỉ tiêu tài chính của Công ty.....	80
Bảng 18.	Danh sách nhân sự chủ chốt.....	81
Bảng 19.	Tài sản của Công ty.....	91
Bảng 20.	Tài sản cố định thuê tài chính.....	92
Bảng 21.	Xây dựng cơ bản dở dang.....	92
Bảng 22.	Tình hình tài sản của Công ty.....	93
Bảng 23.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018.....	95
Bảng 24.	Số cổ phần bị hạn chế.....	103
Bảng 25.	Giá trị sổ sách.....	105

HÌNH ẢNH

Hình 1.	Cơ cấu tổ chức.....	21
Hình 2.	Cơ cấu bộ máy quản lý.....	22
Hình 3.	Hình ảnh hệ thống hơi.....	33
Hình 4.	Một số hình ảnh buồng đốt và lò dầu tải nhiệt.....	33
Hình 5.	Hình ảnh một số dự án cung cấp nhiệt.....	34
Hình 6.	Một số hình ảnh ví dụ về nhiên liệu từ phế phẩm.....	35
Hình 7.	Một số hình ảnh về nhiên liệu Biomass.....	36
Hình 8.	Mô hình lò hơi tầng sôi.....	47
Hình 9.	Mô hình cấp nhiệt Biomass.....	48
Hình 10.	Sơ đồ quản lý chất lượng.....	51
Hình 11.	Tình hình sử dụng năng lượng ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2030.....	60
Hình 12.	Tổng năng lượng sinh khối sử dụng.....	60

PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro về kinh tế là một rủi ro hệ thống, được tạo ra bởi sự thay đổi của các yếu tố vĩ mô như: tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ tăng trưởng, lãi suất, và các yếu tố tăng trưởng ngành. Nắm bắt được những rủi ro này giúp Công ty có thể dự báo được mức độ tác động, giảm thiểu những rủi ro xấu và tận dụng được những rủi ro tốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Công ty Đông Dương là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp năng lượng phân tán (hơi nhiệt - điện), các Nhà máy sản xuất điện từ năng lượng mới, nhà máy xử lý chất thải rắn phát điện, các nhà máy sản xuất có sử dụng hơi nhiệt - điện. Với đặc điểm ngành nghề hoạt động luôn gắn với các doanh nghiệp khác nên luôn có dòng tiền qua lại với các doanh nghiệp, trong đó chủ yếu là công nợ phải thu qua quá trình làm dịch vụ, nên các yếu tố môi trường kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các chỉ số về lạm phát và lãi suất có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới tính hiệu quả kinh tế và quá trình phát triển của Công ty.

Năm 2017, cả nước tiếp tục Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm từ 2016 đến 2020, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu vẫn đang dần phục hồi sau khủng hoảng kinh tế, song tốc độ phục hồi chậm hơn so với dự báo của các chuyên gia kinh tế thế giới. Theo tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2017 tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó, quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%, đây là mức tăng ngoạn mục, ngoài dự đoán của các chuyên gia và tổ chức tài chính kinh tế trên thế giới, đồng thời hoàn thành xuất sắc mục tiêu 6,7% đề ra từ đầu năm. Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 2,77 điểm phần trăm, tăng 8% so với năm 2016, đứng thứ 2 về mức đóng góp vào mức tăng GDP 2017 (chỉ sau khu vực dịch vụ). Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,85%, cao hơn 0,79% so với con số của năm 2016, với điểm sáng là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng cao nhất trong 7 năm trở lại đây, đạt mức 14,40%. Lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi nhiệt - điện mà Công ty hiện đang hoạt động cũng là một phần trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Theo báo cáo của Cục đầu tư nước ngoài (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) nhận định Việt Nam như một 'thời nam châm' thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều từ đầu tư FDI và lĩnh vực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế vĩ mô chính là ngành công nghiệp chế tạo, gắn với xuất khẩu từ khu vực FDI. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính chung 12 tháng năm 2017, vốn

FDI vào Việt Nam đạt 35,88 tỷ USD, mức cao nhất kể từ năm 2009. Trong 115 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, Nhật Bản là nước đứng đầu với tổng vốn đầu tư lên tới 9,11 tỷ USD, chiếm 25,4% tổng vốn FDI vào Việt Nam, tiếp theo đó là Hàn Quốc với 8,49 tỷ USD chiếm 23,7%, và Singapore với 5,3 tỷ USD chiếm 14,8%. Trong 19 ngành được đầu tư, công nghiệp chế biến – chế tạo là lĩnh vực được quan tâm nhiều nhất với 15,87 tỷ USD chiếm 44,2% tổng vốn FDI. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ hai với 8,37 tỷ USD chiếm 23,3%, sau đó là lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 3,05 tỷ USD chiếm 8,5%. Như vậy, hai ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành năng lượng đang và sẽ trở thành những ngành thu hút vốn FDI nhiều nhất vào Việt Nam, đây cũng là hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh mà Công ty có tham gia. Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục duy trì là địa phương thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất với tổng số vốn đăng ký là 5,68 tỉ USD, chiếm 17,2% tổng vốn đầu tư, tính đến hết tháng 11 năm 2017. Theo một thống kê chưa chính thức của các chuyên gia kinh tế, tổng mức vốn đầu tư nước ngoài FDI vào Việt Nam 2017 đã đạt 35 tỷ USD.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê, trong 06 tháng đầu năm 2018, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm ngoái, đây được đánh giá là mức tăng tốt nhất của giai đoạn 06 tháng kể từ năm 2011 đến nay. Trong đó, khu vực công nghệ và xây dựng tăng 9,07%; khu vực dịch vụ tăng 6,08%. Tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam khoảng 20,33 tỷ USD tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2017; đã giải ngân được 8,37 tỷ USD tăng 8,4%. Trong đó, ngành chế tạo vẫn đứng vị trí số một trong việc thu hút vốn FDI với 7,91% chiếm khoảng 39% tổng vốn đầu tư FDI. Nhật Bản vẫn là nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam với 6,47 tỷ USD. Cũng theo số liệu thống kê, Hà Nội là địa phương hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài nhất với 5,87 tỷ USD, vị trí thứ hai là Thành phố Hồ Chí Minh với 3,68 tỷ USD tiếp theo đó là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: 1,93 tỷ USD.

Những diễn biến chung của nền kinh tế, cũng như là ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế, khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp chủ yếu trong lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng các hệ thống hơi nhiệt – điện, Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước và thế giới thay đổi. Vì vậy, ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng nghiên cứu, cập nhật tình hình kinh tế - xã hội vĩ mô, nhằm xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như là kế hoạch đăng ký niêm yết của mình trên Sở giao dịch chứng khoán; trên cơ sở hạn chế tối đa các tác động tiêu cực, đồng thời có thể tận dụng tối ưu các cơ hội thuận lợi có được từ sự phát triển kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển của Nhà nước, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

❖ **Rủi ro lạm phát, tỷ giá và lãi suất**

Là một thành phần kinh tế và có mạng hoạt động liên quan tới thương mại, rủi ro về lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng sẽ ảnh hưởng lớn tới việc xác định chính sách giá cả và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty. Cùng với đó, đặc điểm lĩnh vực hoạt động của Công ty là các khoản công nợ thường chiếm tỷ trọng cao trong tài sản và nguồn vốn nên rủi ro về lãi suất cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chính sách công nợ, tính hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, hệ thống cung cấp hơi nhiệt là một hệ thống công nghệ cao và rất phức tạp, ngoài những chi tiết có thể nội địa hóa, Công ty cũng cần sử dụng những sản phẩm tinh xảo từ nước ngoài, vì vậy, rủi ro liên quan tới yếu tố nước ngoài như tỷ giá, chỉ số giá xuất nhập khẩu,... cũng phần nào tác động đến giá thành sản phẩm và kết quả hoạt động của Công ty.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với số liệu năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2017 tăng 2,6% so với CPI tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%. Bên cạnh đó, Lạm phát cơ bản tháng 12/2017 chỉ tăng 0,11% so với tháng 11 và tăng 1,29% so với số liệu cùng kỳ năm ngoái. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân năm 2016. Chỉ số CPI tháng 6/2018 tăng 0,61% so với tháng 5, và được đánh giá là mức tăng cao nhất của tháng 6 trong 7 năm qua, đi kèm với đó, lạm phát cơ bản tháng 6/2018 tăng 0,1% so với tháng trước đó và tăng 1,37% so với cùng kỳ năm 2017. Lạm phát cơ bản bình quân 06 tháng đầu năm 2018 tăng 1,35% so với con số cùng kỳ năm ngoái.

Theo các chuyên gia tài chính, mặt bằng lãi suất trên thị trường tài chính năm 2017 cơ bản được giữ ổn định, lãi suất tiền gửi có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm do nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp vào cuối năm thường tăng, trong khi các ngân hàng đang thiếu nguồn vốn huy động hiệu quả. Điều này cũng dẫn tới lãi suất vay liên ngân hàng cũng nhích lên nhẹ vào quý IV năm 2017. Tham khảo lãi suất trung bình năm 2017 của 5 ngân hàng lớn là : AgriBank, BIDV, VietinBank, Vietcombank, Techcombank, lãi suất gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng là 5,3%, lãi suất gửi tiết kiệm 12 tháng là 6,65%, lãi suất 24 tháng là 6,75%, và tương tự cho lãi suất 36 tháng. Mức lãi suất này chỉ nhỉnh hơn mức lãi suất trung bình năm 2016 khoảng 0,1 – 0,3%, và có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm đối với lãi suất có kỳ hạn dài như 24 tháng và 36 tháng, và giảm nhẹ đối với lãi suất có kỳ hạn ngắn trong cùng thời gian. Tính đến cuối năm 2017, kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến ở mức 4,8 - 5,4%/năm; kỳ hạn 6 - 12 tháng phổ biến từ 5,6 - 7%/năm; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 7 - 7,8%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến khoảng 6 - 9%/năm, trung và dài hạn từ 9,3 - 11%/năm. Tuy nhiên, các ngân hàng cũng rất linh động đối với các khách hàng tiềm năng và các khách hàng thân thiết. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, một số khách hàng tốt được cho vay với lãi suất từ 4% đến 5% đối với các khoản vay ngắn hạn. Trong báo cáo Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, dự báo lãi suất nửa đầu năm 2018 sẽ vẫn còn tiếp tục tăng nhẹ do sức ép của nhu cầu sử dụng vốn trong nền kinh tế, và việc tăng lãi suất này không chỉ phục vụ đầu ra mà còn đảm bảo các chỉ số thanh khoản cho nền kinh tế.

Do đặc điểm hoạt động kinh doanh với công nợ lớn nên rủi ro lãi suất luôn ảnh hưởng tới tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong ngắn hạn, yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất do ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành quản lý. Tuy nhiên, trong dài hạn cùng với sự biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro tài chính, áp lực tăng lãi suất của hệ thống tín dụng, sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2017, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ được đánh giá là khá ổn định, mặc dù thị trường tài chính quốc tế có nhiều biến động phức tạp. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tỷ giá đô la Mỹ tháng 12/2017 tăng 0,02% so với tháng trước đó nhưng lại giảm 0,05% so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ giá bình quân năm 2017 tăng 1,04% so với con số trung bình năm 2016. Dự báo đầu năm 2018, tỷ giá sẽ có nhiều biến động phức tạp vì nhu cầu ngoại tệ, đặc biệt là các đồng trong rổ tham chiếu, sẽ tăng mạnh do yếu tố mùa vụ xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, đồng USD có thể sẽ bật tăng mạnh trở lại trước khả năng Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đẩy nhanh tiến trình thu hẹp bảng cân đối kế toán bằng cách không tái đầu tư vào trái phiếu chính phủ Mỹ tiếp tục tăng lãi suất; cũng như khả năng các công ty lớn của Mỹ sẽ chuyển khoản lợi nhuận tích lũy ở nước ngoài về nước, khi chính sách cắt giảm thuế của tổng thống Donald Trump được Quốc hội Mỹ thông qua và đi vào thực tế.

Trên thực tế, sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ cho khách hàng trong nước, và phần trăm nội địa hóa của các sản phẩm dịch vụ của Công ty là rất cao. Tuy nhiên, một số thiết bị, chi tiết máy mà Công ty phải nhập từ các nước Châu Âu, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc sẽ chịu ảnh hưởng từ thay đổi tỷ giá. Bên cạnh đó, định hướng dài hạn của ban lãnh đạo Công ty là có thể xuất khẩu các sản phẩm nhiên liệu Biomass cho thị trường Nhật, Hàn Quốc và một số nước Châu Âu. Do đó, bất cứ sự thay đổi nào về tỷ giá đều sẽ gây ra những biến động trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm kiếm các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa sức ảnh hưởng từ thay đổi tỷ giá như quy định rõ mức tỉ giá cố định trong năm và phương pháp điều chỉnh hợp lý cho từng năm, được quy định cụ thể trong hợp đồng kinh tế.

2. Rủi ro về luật pháp

Giống như các doanh nghiệp khác đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương sẽ phải chịu sự điều chỉnh, tác động và chi phối của hệ thống pháp luật trong nước như: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư... Bên cạnh đó, Doanh nghiệp đã là công ty đại chúng nên Công ty cũng như là cổ phiếu Công ty còn chịu sự tác động của của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển nên luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên rủi ro

pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

3. Rủi ro đặc thù

Định hướng của Công ty là phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các Nhà máy cung cấp hơi nhiệt – điện, đây là một lĩnh vực có những rủi ro đặc thù riêng mà không phải ngành nào cũng có. Một số rủi ro đặc thù được Công ty xác định như: rủi ro từ thị trường cạnh tranh; rủi ro về thiên tai ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên liệu và công cụ đầu vào, đầu ra; rủi ro gián đoạn trong quá trình hoạt động của khách hàng.

3.1. Rủi ro từ thị trường cạnh tranh

Lĩnh vực đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện là một trong những lĩnh vực “kén chọn” công ty hoạt động: với những đặc thù vốn lớn, công nghệ cao, quản lý chuyên nghiệp, đầu tư hệ thống, công nợ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp... Tuy nhiên, sự cạnh tranh trong lĩnh vực này không phải là không có. Do định hướng của Công ty là xây dựng hệ thống đồng phát: cung cấp hơi nhiệt – điện cho các đơn vị có uy tín, tiềm năng và qui mô lớn cho các cụm công nghiệp nên việc cạnh tranh cũng chỉ giới hạn. Hiện tại chỉ có một số nhà cung cấp hơi nhiệt (khoảng 5-7 đơn vị) (Năng lượng Xanh, Tín Thành, Kim Trường Phúc, Sao Việt, Trấu Việt...) nhưng không có Điện. Ngoài ra, hiện có nhiều công ty nhỏ cũng tham gia vào thị trường bán hơi nhiệt, một số công ty hoạt động trong mảng năng lượng sạch, năng lượng tái sinh khi thấy cơ hội cũng tham gia vào lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt.

Hiện tại, Công ty xác định thị trường chính vẫn là các tỉnh phía Nam bao gồm Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố lân cận như Đồng Nai, Bình Dương, Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc chưa mở rộng thị trường hoạt động do thị trường còn quá rộng, công ty chưa đủ nhân lực và chưa tìm được các nguồn vốn phù hợp.

Bên cạnh việc phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, Công ty còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Khi mà các nguồn vốn nước ngoài FDI ngày càng tập trung vào lĩnh vực công nghệ chế tạo và năng lượng sạch, thì việc các doanh nghiệp nước ngoài sẽ thâm nhập vào thị trường đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện là điều tất yếu. Họ thường là những công ty lớn với cả trình độ công nghệ cao, tiềm lực tài chính mạnh và nhân lực chất lượng cao. Điều này có thể sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh hơn trong lĩnh vực hoạt động của công ty.

3.2. Rủi ro từ thiên tai

Những rủi ro này ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của Công ty, chủ yếu là khâu vận chuyển của các yếu tố đầu vào đầu ra của quá trình hoạt động kinh doanh. Đầu vào của

Doanh nghiệp thường là những thiết bị máy móc nhập từ nước ngoài hoặc từ các doanh nghiệp sản xuất thiết bị ở trong nước, nhưng thường là từ các tỉnh thành khác. Cùng với đó, việc thiết kế, lắp đặt và xây dựng hệ thống hơi nhiệt đều được thực hiện tại doanh nghiệp đối tác, do đó việc vận chuyển các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho công việc này là rất cần thiết và diễn ra thường xuyên. Các yếu tố thiên tai như bão lũ, sạt lở đất,... ảnh hưởng rất lớn tới khâu vận chuyển thiết bị máy móc của Công ty trong quá trình thi công, lắp đặt và xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách đa dạng hóa nguồn cung ứng đầu vào nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt, xây dựng một đội ngũ dự báo nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của thị trường trong ngắn và trung hạn, giúp Doanh nghiệp có những chính sách dự trữ hợp lý, đồng thời, sát sao trong việc theo dõi dự báo thiên tai trong nước và quốc tế, nhằm dự phòng những rủi ro có thể xảy ra, giảm thiểu tối đa những sự cố dẫn tới việc chậm bàn giao cho khách hàng, đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Mặc dù, Công ty đã và đang thuê những chuyên gia đánh giá về vị trí địa lý khí hậu nhằm đưa ra những dự báo chính xác nhất có thể, giảm thiểu tối đa rủi ro về thiên tai, tuy nhiên, những rủi ro này là khó có thể lường hết, một khi rủi ro xảy ra, nó sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty, thậm chí có thể làm trì trệ hoạt động của Công ty trong thời gian dài, gây thiệt hại nặng nề đối với hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp.

3.3. Rủi ro về công nghệ

Lĩnh vực thiết kế, lắp đặt, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện là một lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, khi mà các sản phẩm của nó đều được kết tinh từ các trang thiết bị máy móc và phương thức hoạt động dựa theo công nghệ hiện đại. Hiện tại, Công ty đang sở hữu độc quyền công nghệ Lò hơi tầng sôi đốt Biomass do chính những đội ngũ kỹ sư của Doanh nghiệp chế tạo ra, được đánh giá là một công nghệ tiên tiến bậc nhất trong thị trường lò hơi, nồi hơi của Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, Công ty cũng đang chuyển giao các công nghệ khác như: công nghệ sấy cô đặc (dùng trong sấy nông sản, sấy gỗ, sấy các sản phẩm bột công nghiệp,...), công nghệ liên quan tới xử lý môi trường (xử lý rác thải công nghiệp và dân dụng để chuyển hóa thành năng lượng nhiệt), công nghiệp sản xuất Silica từ tro trấu, sản xuất bột giấy từ rơm rạ, và công nghệ sản xuất phân bón. Những công nghệ này đang rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ thay đổi từng giờ như hiện nay các công nghệ mà Công ty đang triển khai áp dụng sẽ nhanh chóng trở nên lạc hậu. Điều này đòi hỏi đội ngũ kỹ sư, nghiên cứu của Công ty cần phải không ngừng sáng tạo, học hỏi, đổi mới và cập nhật những công nghệ hiện đại trên thế giới, nhằm tạo ra được những công nghệ thuần Việt có chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, nhưng đồng thời bảo vệ được môi trường sống xung quanh của người dân. Việc định hướng hoạt động theo hướng đồng phát hơi nhiệt - điện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa: các cụm công nghiệp là hướng đi mới của Công ty, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Mặc dù đầu tư ban đầu lớn nhưng hiệu quả mang lại lâu dài là cao, tính cạnh tranh

của Công ty tăng lên do không có nhiều đơn vị trong nước có thể thực hiện được hệ thống đồng phát hơi nhiệt – điện. Công ty tự thiết kế hệ thống và đặt hàng trong cũng như ngoài nước các thiết bị cần thiết.

3.4. Rủi ro từ việc gián đoạn sản xuất kinh doanh

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc gián đoạn sản xuất như: khâu vận chuyển gặp vấn đề trục trặc, hỏng hóc máy móc trong quá trình vận hành, hay gián đoạn nguồn trang thiết bị đầu vào. Với uy tín của mình đối với khách hàng, Công ty luôn lấy chất lượng và thời gian làm hai tiêu chí quan trọng bậc nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nếu việc gián đoạn diễn ra, Công ty bị ảnh hưởng rất lớn tới uy tín đang tạo dựng trên thị trường, cùng với đó là những rắc rối nghiêm trọng đối với những hợp đồng, đơn hàng tiếp theo, khi không thể xử lý kịp thời, gây thiệt hại cho cả khách hàng và Doanh nghiệp, thậm chí có nguy cơ mất bạn hàng. Chính vì thế, nhằm đối phó với rủi ro trên, Công ty luôn chủ động tìm các nguồn cung ứng khác nhau, tìm kiếm các đối tác chuyên logistics và vận chuyển trên các địa bàn hoạt động của Công ty, xây dựng một đội ngũ chuyên viên kỹ thuật có kinh nghiệm, kiến thức và năng động, luôn sẵn sàng đến từng cơ sở của khách hàng để giúp họ xử lý sự cố nhanh nhất có thể, giảm thiểu thiệt hại, đồng thời, tiến hành bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị máy móc và các công cụ sản xuất cho khách hàng cũng như là thẩm định chất lượng hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nhằm đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra một cách liên tục và đồng bộ, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các đơn hàng.

4. Rủi ro biến động chứng khoán

Công ty là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt – điện cho các nhà máy công nghiệp trên toàn quốc. Công ty tiến hành niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do đó sẽ gặp khá nhiều những rủi ro từ thị trường chứng khoán. Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Khi cổ phiếu của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,.... Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình Công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty và các cá nhân có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, chiến tranh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Hỏa hoạn có thể gây thiệt hại rất lớn về người và của, từ việc phá hủy một phần đến phá hủy hoàn toàn cơ sở hạ tầng, nhà xưởng máy móc, trang thiết bị của Công ty. Ngoài ra, rủi ro chiến tranh nếu xảy ra sẽ làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội nói chung của một đất nước, và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông	: Nguyễn Thanh Quang	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Bà	: Trần Kim Sa	Chức vụ: Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
Bà	: Ngô Hoàng Yến	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông	: Nguyễn Văn Thảo	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết và quản lý, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông/Bà : Nguyễn Diễm Ly Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
(Theo Ủy quyền số 2709/2018/UQ-SJCS ban hành ngày 27 tháng 09 năm 2018 của Tổng giám đốc – Vũ Cao Trung)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần chứng khoán SJC tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương cung cấp.

PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- 1/ “Công ty”: Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 15 tháng 12 năm 2017.
- 2/ “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- 3/ “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 4/ “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một cổ phần của Công ty.
- 5/ “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 6/ “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- 7/ “Điều lệ công ty”: Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 8/ “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 9/ “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 10/ “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 11/ “Ban Tổng giám đốc”: Ban Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 12/ “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- 13/ “Tổ chức đăng ký niêm yết”: Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
- 14/ “Tổ chức kiểm toán”: Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- TTCK : Thị trường chứng khoán
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- TTLK : Trung tâm Lưu ký
- TVLK : Thành viên Lưu ký
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- TGD : Tổng giám đốc
- BGD : Ban Tổng giám đốc
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- TNDN : Thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TSLĐ : Tài sản lưu động
- VSCH : Vốn chủ sở hữu
- Giấy ĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Số CMND : Số chứng minh nhân dân
- BCTC : Báo cáo tài chính
- BCĐKT : Bảng cân đối kế toán
- KCN : Khu công nghiệp
- CP : Cổ phiếu
- CĐ : Cổ đông
- CTCP : Công ty cổ phần
- ĐVT : Đơn vị tính

PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty:

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG
- Tên tiếng Anh : INDOCHINE IMPORT EXPORT INDUSTRIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : INDOCHINE IMEX., JSC
- Trụ sở chính : 162B Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3547 2357
- Fax : 028 3848 6552
- Email : info@dongduongcorp.com.vn
- Website : www.dongduongcorp.com.vn
- Logo :



- Vốn điều lệ đăng ký : 120.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 120.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 15 tháng 12 năm 2017
- Mã số doanh nghiệp: 0310103090
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Kim Sa – chức vụ: Tổng giám đốc
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 12/01/2017

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 15/12/2017, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại trụ sở)	3520

2	Sản xuất, phân phối hơi nước, điều hòa không khí và sản xuất nước đá (trừ sản xuất và lắp ráp điều hòa không khí gia dụng (điều hòa không khí có công suất từ 48.000 BTU trở xuống) sử dụng ga lạnh R22) và không hoạt động tại trụ sở)	3530
3	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
4	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
5	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
6	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
7	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3900
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn khí đốt và sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG). Bán buôn mùn cưa, tro trấu, bã mía	4661
10	Buôn bán, máy móc, thiết bị và phụ tùng khác Chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, buôn bán thiết bị chiếu sáng, thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu, buôn bán động cơ, Tuabin.	4659
11	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bột cá (nguyên liệu từ cá)	1079
12	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2512

13	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở)	2513
14	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: sấy bã hèm bia	1103

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Giáo dục Đông Thành được thành lập ngày 25 tháng 06 năm 2010 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu và có trụ sở chính tại đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

Ngày 09/05/2011, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đồng thời chuyển trụ sở Công ty về địa chỉ 467 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 4.

Ngày 15/07/2014, Công ty trở thành thành viên của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam VPPA.



Ngày 05/09/2015, để tăng nguồn vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 18. Tại thời điểm này, trụ sở chính của Công ty đã chuyển về số 04 Đồng Nai, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 14/06/2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 19 với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 04 Đồng Nai, Phường 02, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 06/07/2016 Công ty thay đổi trụ sở chính từ địa chỉ số 04 Đồng Nai, Phường 02, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh qua số 3A Đồng Nai, Phường 2, Quận Tân Bình theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 20.

Tháng 09/2016, với nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng, thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 21 với vốn điều lệ là 120 tỷ đồng.

Ngày 22/06/2017 Công ty thay đổi trụ sở chính từ địa chỉ 3A Đồng Nai, Phường 02, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh qua số 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 22.

Ngày 15/12/2017, Công ty thay đổi trụ sở chính về địa chỉ số 162B Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh với vốn điều lệ 120 tỷ đồng, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 24.

Sau hơn 7 năm hoạt động đến nay công ty Đông Dương đã trở thành một công ty có mức độ phát triển ấn tượng, một thương hiệu uy tín được bạn hàng và đối tác lựa chọn. Công ty đang tập trung vào các lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện, một lĩnh vực nhiều tiềm năng phát triển nhưng cũng không thiếu những thách thức đòi hỏi ban lãnh đạo doanh nghiệp cũng như tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty cần phải nỗ lực để có những bước nhảy vọt hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vốn điều lệ thực góp tính đến thời điểm hiện tại của Công ty là 120 tỷ đồng.

Ngày 12/01/2017, Công ty đã nhận được công văn chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, theo Công văn số 249/UBCK-GSĐC.

1.3. Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty

Từ khi chuyển đổi loại hình công ty từ công ty TNHH sang công ty Cổ phần, Công ty đã tiến hành 01 (một) đợt tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng, cụ thể như sau:

❖ Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/2016/DDG/QĐ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương ngày 01/09/2016 thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 09 năm 2016.

❖ Chi tiết đợt phát hành:

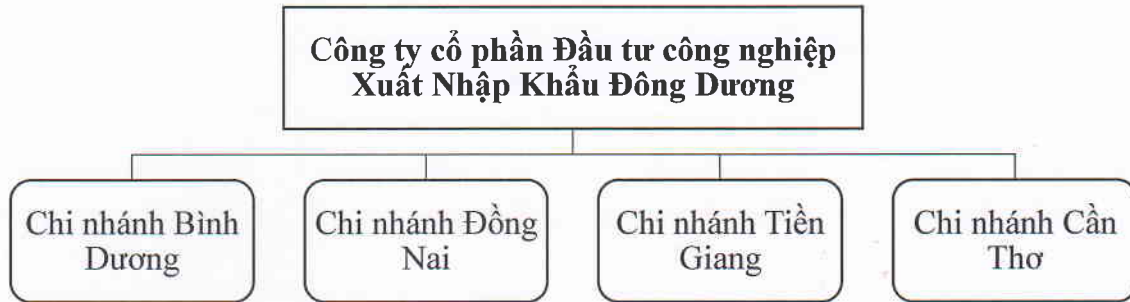
Vốn điều lệ trước khi phát hành	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ sau khi phát hành	: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
Hình thức phát hành	: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Hình thức góp vốn	: Góp vốn bằng tiền
Số lượng cổ đông hiện hữu	: 03 cổ đông
Tỷ lệ phát hành	: 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phần cũ có quyền mua 01 cổ phần phát hành mới)
Số lượng cổ đông mua	: 03 cổ đông
Số lượng cổ phần phát hành	: 4.000.000 cổ phần (Bốn triệu cổ phần)
Số lượng cổ phần thực mua	: 4.000.000 cổ phần (Bốn triệu cổ phần)
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá trị phát hành thực mua	: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)
Ngày hoàn thành đợt phát hành	: 03/10/2016
Mục đích tăng vốn	: tăng vốn nhằm phục vụ cho việc góp vốn hợp tác kinh doanh, cụ thể: góp 20 tỷ đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Đông Thành để đầu tư dự án “Gia công thiết bị, lắp đặt và cung cấp hệ thống lò hơi cho công ty TNHH thức ăn gia súc Lái Thiêu; góp 20 tỷ đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Xây dựng và cơ khí An Thái để đầu tư vào dự án “Gia công thiết bị, lắp đặt và cung cấp hệ thống lò hơi cho công ty TNHH giấy Xuân Mai”.

Về việc sử dụng vốn: Trên thực tế, quá trình đàm phán, thương thảo của các đối tác là Công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành và CTCP xây dựng và cơ khí An Thái (sau đó chuyển sang Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng Vạn Niên) với các chủ dự án diễn ra kéo dài hơn dự kiến mà không đi đến được thỏa thuận chung, điều này gây lãng phí và ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Vì vậy, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 06/2017/NQ-ĐHĐCĐ/DDG ngày 08/03/2017 để thay đổi phương án sử dụng vốn hiệu quả hơn, cụ thể phương án sử dụng vốn thực tế như sau:

- *Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh: thanh toán tiền hàng cho các đối tác và tiền vay của ngân hàng: 20 tỷ đồng*
- *Góp vốn vào Công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành: 20 tỷ đồng*
- * *Đến thời điểm 30/9/2018 Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ số vốn góp (20 tỷ đồng) tại Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Đông Thành. Công ty sử dụng số tiền này để trả các khoản nợ vay và bổ sung vốn kinh doanh.*

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 1. Cơ cấu tổ chức



- Trụ sở chính theo Giấy ĐKKD

Địa chỉ: 162B Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3547 2357

Fax: 028 3848 6552

- Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: Lô E, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- Chi nhánh Đồng Nai

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Lập, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Chi nhánh Tiền Giang

Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

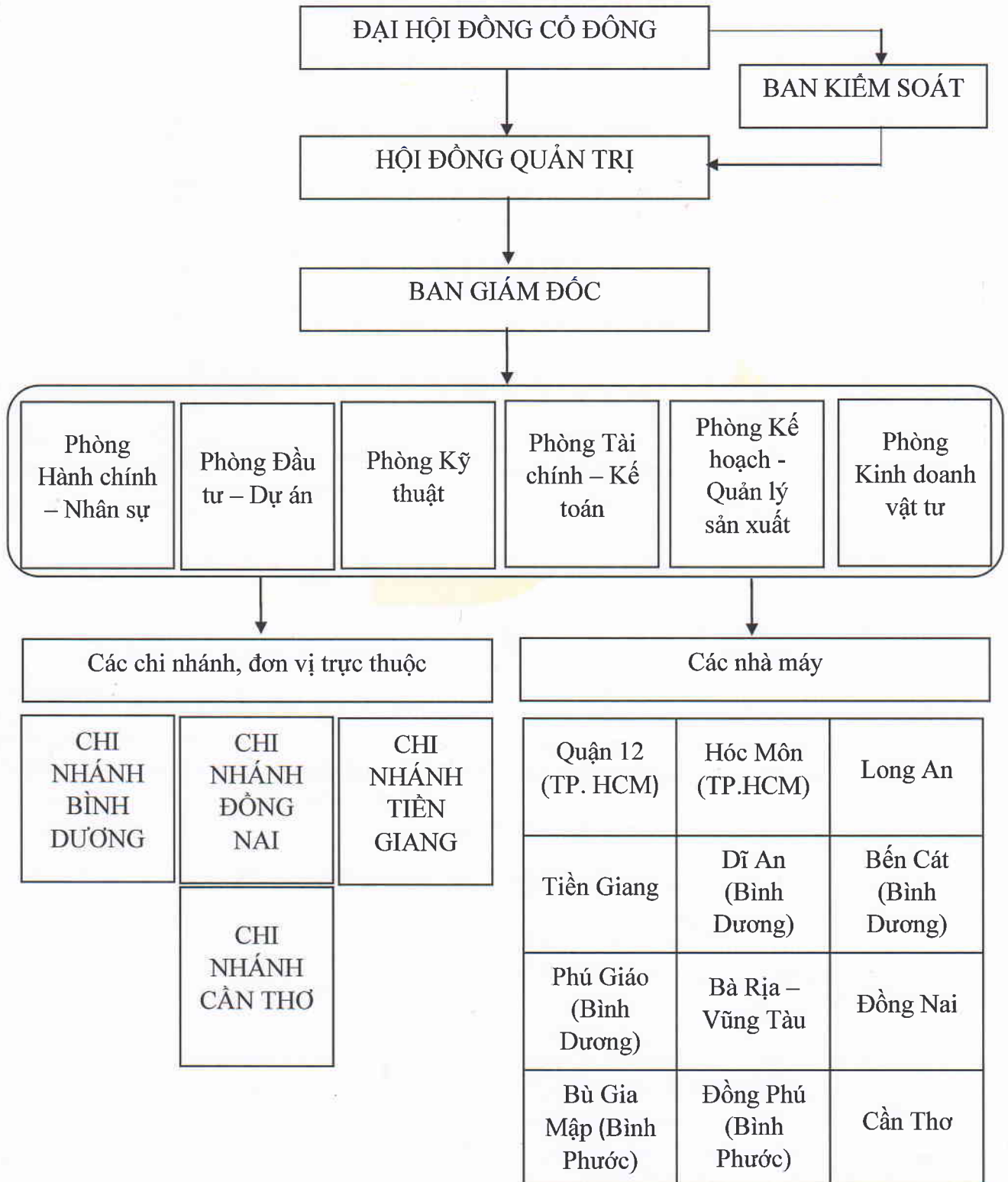
- Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: Lô 2.9A6 Đường số 6, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, TP. Cần Thơ

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

3.1. Sơ đồ:

Hình 2. Cơ cấu bộ máy quản lý



3.2. Diễn giải sơ đồ:

❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ công ty và pháp luật liên quan quy định:

- Thông qua định hướng phát triển công ty;
- Tỷ lệ trả cổ tức hàng năm;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Bầu và bãi miễn HĐQT, BKS;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành;
- Tổ chức lại và giải thể Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc;

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Chức năng các phòng ban

➤ Phòng Hành chính – Nhân sự

Phòng Hành chính – Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV;
- Thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động, kế hoạch tiền lương hàng năm;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng của Công ty;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán**

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng giám đốc; Thông qua tình hình tài chính giúp Tổng giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính;
- Phân tích tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Đầu tư – Dự án**

Phòng Đầu tư có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Soạn thảo và tham mưu cho Lãnh đạo Công ty, ký kết các Hợp đồng kinh tế. Theo dõi, đơn đốc quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế đã ký, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Lập quyết toán các sản phẩm hoàn thành và thanh lý các hợp đồng kinh tế;
- Lập dự án đầu tư các công trình phù hợp với chức năng hoạt động của công ty bao gồm các loại hình công việc sau :
 - Lập báo cáo đầu tư;
 - Lập báo cáo lựa chọn địa điểm;
 - Lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình;
 - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thiết lập quy hoạch chuyên ngành phù hợp với chức năng hoạt động của công ty;
- Thẩm tra dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý các dự án đầu tư;
- Thực hiện các công việc tư vấn khác theo yêu cầu của công ty.

➤ **Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất và Phòng Kỹ thuật**

Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất và Phòng Kỹ thuật phối hợp với nhau trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo chiến lược phát triển; lập báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh;
- Điều phối sản xuất: điều phối hoạt động sản xuất của các đơn vị trong Công ty căn cứ vào năng lực thiết bị và lợi thế từng đơn vị;
- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;

- Hướng dẫn các đơn vị thuộc Công ty xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn và tổng hợp kết quả sản xuất - kinh doanh toàn Công ty. Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xây dựng phương án và theo dõi tiến độ sản xuất, phân công và giao kế hoạch cho các đơn vị thành viên, các phân xưởng. Tổ chức tham gia nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, xây dựng mối quan hệ với khách hàng. Lập hồ sơ dự thầu, tổ chức đấu thầu và tham gia đấu thầu các công trình, dự án. Tiếp nhận hồ sơ (dự toán, khảo sát, thiết kế...) để xây dựng các hợp đồng kinh tế;
- Cùng các phòng nghiệp vụ Công ty và các đơn vị thành viên để xây dựng đồng bộ các kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tiếp thị và liên kết kinh tế;
- Chuẩn bị các thủ tục cho Tổng giám đốc Công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Giúp Tổng giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch;
- Dựa vào kế hoạch chuyên ngành và hướng phát triển của Công ty (về mục tiêu, quy mô, nhịp độ phát triển kinh doanh, bố trí cơ cấu hợp lý giữa các khâu sản xuất bảo đảm cho quá trình hoạt động thống nhất liên tục và đạt hiệu quả cao). Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch hợp tác, liên doanh đầu tư trong và ngoài nước;
- Quản lý, cân đối năng lực máy móc thiết bị, công cụ và thực hiện việc điều chuyển, thuê và cho thuê máy móc thiết bị một cách hợp lý để bảo đảm sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;
- Cập nhật, phân tích và tổng hợp các số liệu để giúp Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh được kịp thời;
- Thống kê báo cáo theo chế độ, viết lệnh sản xuất. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ thuộc phòng quản lý. Tuyệt đối giữ gìn bí mật thông tin kinh tế, bí mật sản xuất kinh doanh của đơn vị.

➤ **Phòng Kinh doanh vật tư**

- Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh và xuất nhập khẩu. Đây là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Phòng Kinh doanh;
- Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường, chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ, tìm kiếm đối tác. Thực hiện liên doanh, liên kết, mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa và phát triển kinh doanh xuất, nhập khẩu. Chủ động giao dịch, đàm phán trong và ngoài nước, ký các thư từ, đơn chào hàng, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch khi đi đến ký kết hợp đồng kinh doanh của Công ty;

- Chủ động soạn thảo các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện đúng quy định các hợp đồng kinh doanh đã được ký kết;
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu của Công ty như: chuẩn bị nguồn cung ứng xuất khẩu, tiêu thụ hàng nhập khẩu, các khâu giám định, kiểm dịch, hải quan, giao nhận, bảo hiểm, khiếu nại đòi bồi thường,... và đối ngoại như: tìm kiếm giao dịch giữa những người bán và người mua, giải quyết tranh chấp khiếu nại với khách hàng có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Khai thác, cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất kinh doanh theo lệnh của Tổng Giám đốc Công ty;
- Quản lý, bảo quản vật tư, nguyên nhiên vật liệu. Cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư và cung cấp vật tư NVL phục vụ sản xuất cho các đơn vị trong Công ty;
- Xây dựng các chương trình sản xuất hàng năm và dài hạn của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị và nguồn vật tư nguyên liệu;
- Cung cấp thông tin giá cả thị trường các loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho phòng phục vụ cho công tác hạch toán kế toán. Cùng các phòng liên quan xây dựng hồ sơ đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế. Báo cáo số lượng, chất lượng vật tư xuất nhập và tồn kho theo chế độ từng tuần, từng tháng. Thống kê chi phí vật tư cho từng sản phẩm;
- Thống kê ghi chép (thẻ kho, phiếu nhập xuất kho, biên bản bàn giao máy móc thiết bị, sổ theo dõi cung cấp vật tư,...) theo quy định của Công ty và Nhà nước. Xây dựng định mức vật tư để không ngừng tiết kiệm trong việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh;
- Chịu trách nhiệm thống kê và cung cấp số lượng vật tư đã xuất ra khi phương tiện hoàn thành đối chiếu với dự toán ban đầu để làm cơ sở quyết toán từng phương tiện;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng giám đốc trong việc cùng Phòng Tài chính - Kế toán chủ động khai thác nguồn vốn để đầu tư và phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Các nhà máy

- Chức năng:
 - Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của các nhà máy của Công ty trong quan hệ với các đối tác và tổ chức liên quan tại địa phương có quan hệ với Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
 - Điều hành sản xuất sản phẩm theo nhiệm vụ được phân công.
- Nhiệm vụ:
 - Tập trung điều hành ổn định các hoạt động sản xuất sản phẩm tại nhà máy;

- Tổ chức công tác ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế; Quản lý vốn và tài sản; Tình hình quản lý doanh thu, chi phí; Việc chấp hành các quy định quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế Công ty tại nhà máy;
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quy định gửi về Công ty theo tháng, quý, năm;
- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) với Công ty tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy;
- Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê quý năm;
- Quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với các Phòng, Ban trực thuộc Công ty;
- Được chủ động trong nghiên cứu, tìm kiếm thị trường, đối tác;
- Được tuyển chọn và sử dụng lao động theo yêu cầu công việc;
- Các nhiệm vụ khác Công ty giao.

❖ Các chi nhánh

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền.
- Thực hiện phát triển các ngành, nghề kinh doanh được cấp phép trên địa bàn hoạt động và phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tổ chức hạch toán kinh tế theo nguyên tắc hạch toán độc lập, thực hiện chế độ báo cáo tài chính định kỳ về trụ sở chính theo quy định của Công ty. Thực hiện việc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả tăng trưởng và chiến lược của chi nhánh hàng năm;
- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý của chi nhánh theo mô hình và định hướng của HĐQT và chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Soạn thảo những biên bản pháp lý phục vụ cho các hoạt động của chi nhánh, dựa trên những văn bản pháp lý của Công ty;
- Phối hợp với Công ty và các chi nhánh khác trong việc phục vụ và khai thác thị trường, khách hàng mục tiêu;
- Chăm lo đời sống của CBCNV tại chi nhánh;
- Thực hiện báo cáo với các cơ quan quản lý Nhà nước tại các địa phương mà chi nhánh hoạt động.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 07/08/2018

4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 07/8/2018

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	107	12.000.000	120.000.000.000	100

1	Tổ chức	1	100.000	1.000.000.000	0,83
2	Cá nhân	106	11.900.000	119.000.000.000	99,17
II	Cổ đông nước ngoài	0	-	-	-
1	Tổ chức	0	-	-	-
2	Cá nhân	0	-	-	-
	Tổng cộng	107	12.000.000	120.000.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSD cấp)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 07/08/2018

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Trần Kim Sa	592 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	022557947	1.500.000	12,50
2	Nguyễn Thanh Quang	22/9 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	025719411	1.500.000	12,50
3	Trần Ngọc Phụng	110 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	023885631	1.120.000	9,33
	TỔNG CỘNG			4.120.000	34,33

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSD cấp)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu

- Ngày 14/06/2016, Công ty tiến hành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 19 với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng, với cơ cấu cổ đông sáng lập như sau:

STT	Họ tên cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Kim Sa	3.200.000	40
2	Nguyễn Thanh Quang	3.200.000	40
3	Trần Ngọc Phụng	1.600.000	20
	Tổng cộng	8.000.000	100

- Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 09/09/2016 (thời điểm tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ 80 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng), danh sách cổ đông sáng lập như sau:

STT	Họ tên cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Kim Sa	4.800.000	40
2	Nguyễn Thanh Quang	4.800.000	40
3	Trần Ngọc Phụng	2.400.000	20
	Tổng cộng	12.000.000	100

Tuy nhiên theo Khoản 4, Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014 quy định: “*Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty*”.

Theo đó, danh sách cổ đông sáng lập với số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty sau khi tăng vốn điều lệ như sau:

STT	Họ tên cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Kim Sa	3.200.000	26,67
2	Nguyễn Thanh Quang	3.200.000	26,67
3	Trần Ngọc Phụng	1.600.000	13,33
	Tổng cộng	8.000.000	66,67

- Căn cứ Khoản 3, Điều 119, Luật doanh nghiệp 2014 quy định: “*Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó*”

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1810/2016/NQ-ĐHĐCĐ ra ngày 18/10/2016, ĐHĐCĐ đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập như sau:

STT	Cổ đông sáng lập chuyển nhượng	Cổ đông nhận chuyển nhượng	Số lượng cổ phần chuyển nhượng
1	Trần Kim Sa	Trần Kim Cương	2.300.000
2	Nguyễn Thanh Quang		2.800.000

3	Trần Ngọc Phụng		780.000
---	-----------------	--	---------

Căn cứ, Khoản 4, Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014, ông Trần Kim Cương không phải cổ đông sáng lập và số cổ phần ông nắm giữ không bị hạn chế chuyển nhượng. Do đó, danh sách cổ đông sáng lập với số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng tính đến thời điểm này như sau:

STT	Họ tên cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Kim Sa	900.000	7,5
2	Nguyễn Thanh Quang	400.000	3,33
3	Trần Ngọc Phụng	820.000	6,83
	Tổng cộng	2.120.000	17,67

- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2017/NQ-ĐHĐCĐ ra ngày 10/01/2017, ĐHĐCĐ tiếp tục thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập như sau:

STT	Cổ đông sáng lập chuyển nhượng	Cổ đông nhận chuyển nhượng	Số lượng cổ phần chuyển nhượng
1	Trần Kim Sa	Nguyễn Thy Mai	900.000
2	Nguyễn Thanh Quang		400.000
3	Trần Ngọc Phụng		500.000

Căn cứ, Khoản 4, Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014, bà Nguyễn Thy Mai không phải cổ đông sáng lập và số cổ phần bà nắm giữ không bị hạn chế chuyển nhượng. Do đó, danh sách cổ đông sáng lập với số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng tính đến thời điểm này như sau:

Bảng 3. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 07/8/2018

STT	Họ tên cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Kim Sa	0	0
2	Nguyễn Thanh Quang	0	0
3	Trần Ngọc Phụng	320.000	2,67
	Tổng cộng	320.000	2,67

Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 19 ra ngày 14/06/2016. Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH11, cổ

phiếu của cổ đông sáng lập của Công ty theo danh sách trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày 14/06/2016 đến ngày 14/06/2019.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối

5.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

5.2. Danh sách công ty con

Không có

5.3. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối

Không có

5.4. Danh sách công ty liên kết

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương tập trung vào lĩnh vực Thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện và Thương mại nhiên liệu Biomass và phế phẩm nông nghiệp (trấu, mùn cưa).

6.1. Sản phẩm dịch vụ chính

❖ Dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt

Mảng dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt của Công ty được thực hiện bằng cách: Công ty sẽ tiến hành thiết kế, đầu tư và xây dựng hệ thống cung cấp tại địa điểm gần hoặc ngay trong trụ sở của khách hàng (tùy theo thỏa thuận hợp đồng). Hệ thống sử dụng nhiên liệu đốt biomass hoặc các phế phẩm để cung cấp hơi và nhiệt cho hệ thống, phục vụ quá trình sản xuất của khách hàng. Nhiên liệu đốt biomass được đánh giá là một loại nhiên liệu xanh – ít ảnh hưởng tới môi trường, giúp tiết kiệm nhiên liệu sử dụng trong quá trình đốt với một lượng nhiệt tỏa ra gần tương đương bằng nhiên liệu hóa thạch.

➤ Cung cấp hơi

Công ty thực hiện thiết kế, và tiến hành đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi cho khách có nhu cầu, dựa trên công nghệ Lò hơi tầng sôi đốt Biomass độc quyền của Công ty (có thể xem thêm phần 6.4. Trình độ công nghệ) tại địa điểm gần trụ sở của khách hàng, cung cấp giải pháp tiết kiệm năng lượng, và lập phương án kỹ thuật chuyển đổi nhiên liệu một cách tiết kiệm và giảm chi phí sản xuất hơi cho các đơn vị sản xuất. Cùng với đó, Công ty cũng chịu trách nhiệm nhập nhiên liệu đốt biomass và các phế phẩm để phục vụ cho việc đốt lò. Lò hơi sẽ dùng nhiệt lượng sinh ra từ nhiên liệu, biến nước thành hơi nước. Nhiên liệu của cung cấp hơi có thể là nhiên liệu từ phế phẩm hoặc nhiên liệu biomass, tùy thuộc vào yêu cầu chất lượng hơi cần thiết của từng hoạt động sản xuất. Hơi này sẽ được sử dụng cho các quá trình sản xuất công nghiệp, tùy vào nhu cầu của khách hàng, như gia nhiệt cho không khí để sấy, rửa thiết bị, cung cấp nhiệt cho nhà máy dệt, hóa chất, rượu bia và nước

giải khát. Ngoài ra, hệ thống lò hơi này cũng có thể phát triển để cung cấp hơi quá nhiệt cho các tuabin nhiệt điện.

Hình 3. Hình ảnh hệ thống hơi



Cung cấp hơi cho công ty Bia Heineken Việt Nam (Heineken Tiền Giang)

➤ **Cung cấp nhiệt**

Cung cấp nhiệt của Công ty cũng dựa chủ yếu vào công nghệ Lò hơi tầng sôi đốt Biomass, bằng cách thay thế các nhiên liệu đắt tiền như dầu FO, dầu DO bằng nhiên liệu Biomass thông qua chất tải nhiệt trung gian cung cấp cho các hệ thống cần nhiệt để sấy sản phẩm như: sấy lúa, sấy cao su, sấy mùn cưa, nung gốm sứ, sấy bột giặt, sấy bã sản, hóa dầu... (có thể xem thêm phần 6.4. Trình độ công nghệ). Đông Dương sẽ chịu trách nhiệm nghiên cứu địa điểm, thiết kế và đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nhiệt, để đấu nối với hệ thống sấy của khách hàng. Đồng thời, Công ty cũng chịu trách nhiệm nhập nhiên liệu đốt biomass và phế phẩm nhằm phục vụ cho quá trình đốt. Nhiên liệu được đưa vào lò đốt sinh nhiệt năng, sau đó nhiệt sẽ được truyền thông qua hệ thống cấp nhiệt gián tiếp qua bộ trao đổi nhiệt đến lò dầu tải nhiệt và hâm sấy của khách hàng để phục vụ cho quá trình sản xuất của họ.

Hình 4. Một số hình ảnh buồng đốt và lò dầu tải nhiệt



Hình 5. Hình ảnh một số dự án cung cấp nhiệt



Dự án cấp nhiệt công suất: 20 tấn/giờ
Công ty TNHH Linh Hương



Dự án cấp nhiệt công suất: 15 tấn/giờ
Công ty Cao Su Mai Vĩnh

❖ **Thương mại nhiên liệu Biomass và các phế phẩm nông nghiệp**

➢ **Nhiên liệu từ phế phẩm**

Nhiên liệu từ phế phẩm là các phế phẩm từ nông nghiệp và lâm nghiệp như: trấu, rơm rạ, mùn cưa, dăm bào,... được dùng để làm nhiên liệu đốt trực tiếp (đối với những lò yêu cầu nhiệt độ thấp) hoặc dùng để sản xuất nhiên liệu biomass. Nhiên liệu từ phế phẩm được đánh giá là nguồn nhiên liệu hiệu quả, tiết kiệm chi phí với giá thành thấp, tuy nhiên nhiệt lượng tỏa ra không cao. Hiện tại, Công ty Đông Dương đang hoạt động trong chuỗi phân phối và thương mại nhiên liệu từ phế phẩm, đóng vai trò làm trung gian thương mại. Ngoài việc nhập các phế phẩm từ các nhà cung cấp lớn, Công ty cũng chú trọng tới việc thu mua của các hộ kinh doanh nhỏ, các hộ gia đình. Để cung cấp nhiên liệu chất lượng cao và hiệu quả cho

khách hàng, Công ty có đầu tư thêm các băng chuyền vận chuyển, máy sấy và kho nhiên liệu. Các khách hàng lớn sẽ chủ động lấy hàng từ kho của Công ty.

Hình 6. Một số hình ảnh ví dụ về nhiên liệu từ phế phẩm



Trấu



Dăm bào



Mùn cưa



Bột gỗ

Kho nhiên liệu nhà máy sấy mùn cưa:



➤ **Nhiên liệu Biomass**

Nhiên liệu Biomass hay còn gọi là nhiên liệu sinh liệu sinh khô, là nguồn năng lượng được đánh giá có thể thay thế cho các nguồn nhiên liệu hóa thạch truyền thống đang được con người sử dụng. Nhiên liệu Biomass thường được sản xuất từ các phế phẩm của nông nghiệp và lâm nghiệp, được nén thành các viên nén với nguồn nhiệt lượng tỏa ra cao tương đương với các sản phẩm nhiên liệu truyền thống. Ngoài ra, Biomass còn được sản xuất từ các phế phẩm của ngành công nghiệp như giấy vụn, than cám vụn, hoặc metan từ các bãi

chôn lấp rác, xử lý nước thải, chất thải từ gia súc... Công ty Đông Dương cũng đang, chủ yếu, đóng vai trò trung gian thương mại trong chuỗi phân phối nhiên liệu Biomass. Công ty tiến hành thu mua từ các đối tác cung ứng, sau đó sẽ cung cấp cho các khách hàng theo các lô cố định. Công ty cũng đã đầu tư các dây chuyền vận chuyển và kho vận cho nhiên liệu để thực hiện cung ứng một cách hiệu quả nhất. Hiện tại, Công ty đang cung cấp nguồn nhiên liệu Biomass rẻ tiền có thể thay thế cho nguồn nhiên liệu dầu FO (hoặc DO) cho các nhà máy của các khách hàng trong lĩnh vực như: sấy nông sản, dệt may, bao bì, rượu, cồn, bia, nước giải khát, thực phẩm khô, giấy, nung gốm sứ, sấy bột giặt, sấy gỗ, hóa dầu, dệt nhuộm, kho nhựa đường. Ngoài ra, định hướng của Công ty là sẽ phát triển cả mạng hoạt động xuất khẩu các loại nhiên liệu Biomass (chủ yếu cho thị trường Hàn Quốc, Nhật và Châu Âu) trong những năm tới.

Hình 7. Một số hình ảnh về nhiên liệu Biomass



Củ mùn cưa



Củ trấu



Viên nén gỗ mùn cưa



Viên mùn cưa nén



Viên nén bã mía



Mùn cưa ép khối

Dây chuyền vận chuyển nhiên liệu Biomass:



❖ **Doanh thu từ sản phẩm, dịch vụ các năm:**

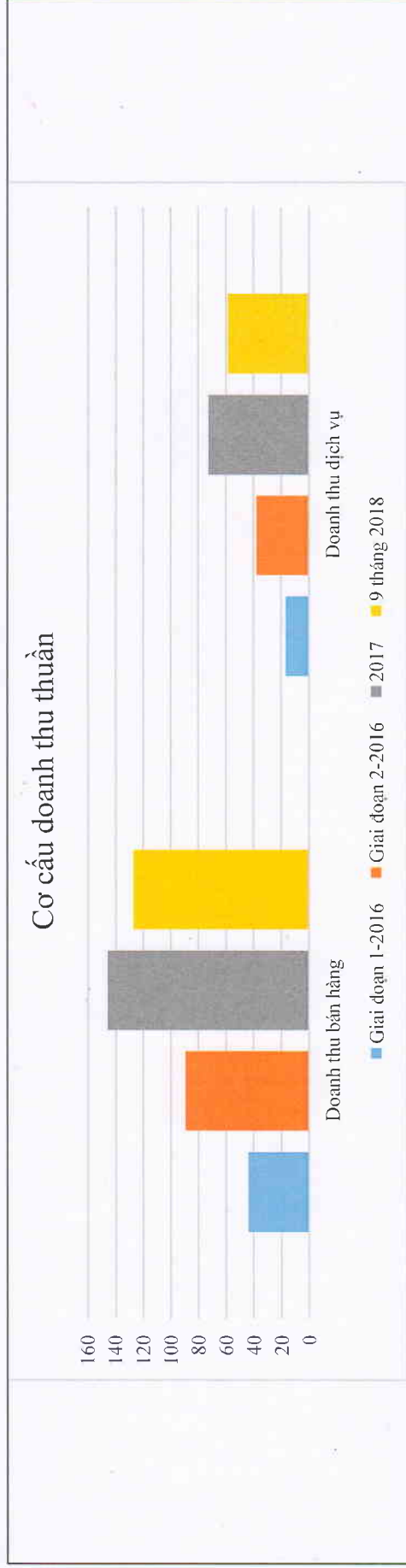
Cơ cấu doanh thu thuần (DTT) từng loại sản phẩm và dịch vụ 2016 - 2017 và 09 tháng đầu năm 2018

Năm 2016, Công ty tiến hành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang CTCP, vì vậy, trong các bảng số liệu tài chính năm 2016 của Công ty sẽ được chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 13/06/2016) dưới hình thức công ty TNHH và Giai đoạn 2 (từ ngày 14/06/2016 đến ngày 31/12/2016) dưới hình thức CTCP.

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2016			Năm 2017	%/ DTT	09 tháng đầu năm 2018	%/ DTT
		Từ 01/01/2016 đến 13/06/2016 (Giai đoạn 1)	%/ DTT	Từ 14/06/2016 đến 31/12/2016 (Giai đoạn 2)				
1	Doanh thu bán hàng	43.626.270.000	72,41	89.284.789.740	145.814.947.000	66,74	126.967.274.270	68,46
2	Doanh thu dịch vụ	16.623.218.279	27,59	37.749.353.616	72.670.337.819	33,26	58.480.035.999	31,54
	Tổng DTT	60.249.488.279	100	127.034.143.356	218.485.284.819	100	185.447.310.269	100



(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Doanh thu thuần của Công ty đến từ hai mảng hoạt động chính là thương mại buôn bán nhiên liệu biomass và phế phẩm (chủ yếu là mùn cưa) và mảng dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt, trong đó, doanh thu từ mảng thương mại thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong các năm qua. Doanh thu thuần năm 2016 (hai giai đoạn) của Công ty là khoảng 187,28 tỷ đồng, trong đó doanh thu thuần bán hàng 2016 là 132,91 tỷ đồng, chiếm xấp xỉ 70,97% tổng doanh thu thuần. Doanh thu thuần dịch vụ là trên 54,37 tỷ đồng, đóng góp 29,03% vào tổng doanh thu thuần 2016.

Năm 2017, doanh thu thuần của Công ty đạt trên 218,48 tỷ đồng, tăng 16,66% so với tổng doanh thu thuần năm 2016. Theo chủ trương của ban lãnh đạo công ty trong việc phát triển mảng hoạt động dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt trở thành mảng hoạt động mũi nhọn của Công ty, do đó từ cuối năm 2016 đầu năm 2017, Công ty đã xúc tiến thành công một số dự án về dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt, đi đến ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện. Điều này đã giúp doanh thu thuần từ dịch vụ của Công ty trong năm 2017 có mức tăng đáng kể, khoảng 33,67% so với năm 2016, từ mức 54,37 tỷ đồng lên mức 72,67 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,26% tổng doanh thu thuần 2017. Doanh thu thuần bán hàng vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn, khoảng 66,74% tổng doanh thu thuần, đạt mức 145,81 tỷ đồng, tăng trên 9,7% so với năm 2016. Nhìn chung, cơ cấu doanh thu thuần của Công ty trong năm 2017 có sự dịch chuyển nhẹ theo hướng giảm doanh thu bán hàng và tăng doanh thu dịch vụ.

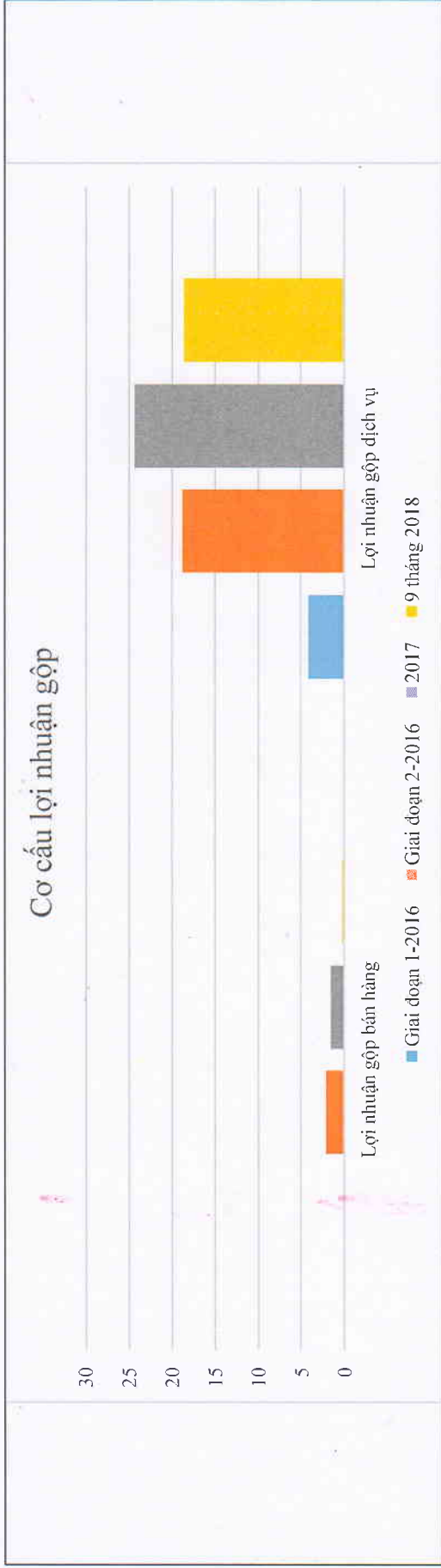
Chín tháng đầu năm 2018, tổng doanh thu thuần đạt gần 185,45 tỷ đồng, hoàn thành gần 77,27% kế hoạch đề ra cho năm 2018. Trong cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu bán hàng chiếm 68,48% (đạt gần 127 tỷ đồng), doanh thu dịch vụ chỉ chiếm 31,54% (đạt trên 58,48 tỷ đồng) trong cơ cấu doanh thu trong kỳ.

❖ **Lợi nhuận gộp từ sản phẩm, dịch vụ các năm:**

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Giai đoạn 1 năm 2016		Giai đoạn 2 năm 2016		Năm 2017		09 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ lệ LNG/DTT	Giá trị	Tỷ lệ LNG/DTT	Giá trị	Tỷ lệ LNG/DTT	Giá trị	Tỷ lệ LNG/DTT
1	LNG bán hàng	103.660.410	0,17%	2.027.251.716	1,60%	1.534.534.001	0,70%	192.783.176	0,1%
2	LNG cung cấp dịch vụ	4.114.644.804	6,83%	18.775.625.158	14,78%	24.369.987.847	11,16%	18.573.040.526	10,02%
	Tổng LNG	4.218.305.214	7,00%	20.802.876.874	16,38%	25.904.521.848	11,86%	18.765.823.702	10,12%



(Nguồn: các BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Lợi nhuận gộp của Công ty đến từ hai mảng hoạt động chính là thương mại buôn bán nhiên liệu biomaas và phế phẩm (chủ yếu là mùn cưa) và dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt. Tuy nhiên, khác với doanh thu thuần, trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty, lợi nhuận gộp từ dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt thường chiếm tỷ trọng cao hơn so với lợi nhuận gộp từ thương mại. Nguyên nhân chủ yếu đến từ đặc điểm của mỗi mảng hoạt động. Trong mảng hoạt động thương mại, Công ty đóng vai trò chính là trung gian phân phối nguyên nhiên liệu, vì vậy, lượng giá trị thặng dư mà Công ty tạo ra trong chuỗi giá trị là thấp và do đó biên lợi nhuận gộp cũng như là tỷ trọng lợi nhuận gộp của mảng này thường thấp hơn mảng dịch vụ. Mảng hoạt động dịch vụ của Công ty liên quan tới việc thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống lò và sản xuất hơi – nhiệt phục vụ cho hoạt động của khách hàng. Hoạt động này tạo ra giá trị thặng dư lớn trong chuỗi giá trị tạo ra các sản phẩm của khách hàng, do đó lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận gộp cao hơn.

Do biến động chung về giá cả của thị trường một số yếu tố đầu vào trong những năm gần đây, đặc biệt là giá mùn cưa đang có xu hướng tăng (như cầu sử dụng nhiên liệu biomass và phế phẩm tại các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long ngày càng tăng nhưng nguồn cung lại không tăng tương xứng), đã đẩy giá vốn của cả hai mảng hoạt động tăng theo, nên biên lợi nhuận gộp của cả hai mảng hoạt động có xu hướng giảm qua các năm.

6.2. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

❖ Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu

Hai mảng hoạt động chính của Đông Dương là thương mại buôn bán nhiên liệu biomass và phế phẩm (chủ yếu là mùn cưa) và dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt đều cần một yếu tố đầu vào là nhiên liệu phế phẩm và biomass. Vì vậy, yếu tố đầu vào của Công ty chủ yếu là những phế phẩm nông lâm nghiệp (như: mùn cưa, bột gỗ, dăm bào, tro trấu, bã mía, rơm rạ,...) và những sản phẩm làm từ chúng (như: viên nén mùn cưa, viên gỗ nén, củi trấu,...). Các nguyên liệu đầu vào này đều được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng trong quá trình vận chuyển, sản xuất và lưu kho dự trữ.

Ngoài ra, trong quá trình vận hành, các hệ thống này cũng yêu cầu một số phụ gia hóa chất và dầu, đây cũng là yếu tố đầu vào trong hoạt động cung cấp dịch vụ hơi – nhiệt của Công ty.

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Công ty cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương với lợi thế gần khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có nguồn phụ phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp phong phú, đa dạng và trữ lượng lớn. Theo số liệu thống kê năm 2016, riêng đồng bằng sông Cửu Long sản lượng trấu thu gom được lên tới 1,5 – 2 triệu tấn. Tổng sản lượng phế thải sinh khối hàng năm ở nước ta có thể đạt tới 8 – 11 triệu tấn, vùng Tây Nguyên cũng đóng góp 35.000 – 40.000 tấn mùn cưa từ việc khai thác và chế biến gỗ. Đặc biệt là chất thải ra từ các nhà máy mía đường. Hiện tại trong cả nước có đến 10 – 15% tổng sản lượng bã mía. Nếu tính trên cả nước, sản lượng lúa Việt Nam 2016 là khoảng 44,5 triệu tấn sẽ cho ra 8,9 triệu tấn trấu và 33 triệu tấn rơm rạ; ngành khai thác gỗ sẽ cho ra khoảng 13,85 triệu tấn mùn cưa, gỗ dăm. Bên cạnh đó, phế phẩm trong chế biến các loại cây công nghiệp, sản xuất hoa quả, thực phẩm...cũng đa dạng nên hoàn toàn có thể ổn định được nguồn cung nguyên vật liệu (theo tổng cục thống kê 2016, các loại phế phẩm khác từ nông nghiệp và lâm nghiệp là khoảng trên 33,4 nghìn tỷ tấn).

Công ty Đông Dương luôn chủ động tìm kiếm các đối tác uy tín cung ứng các sản phẩm liên quan tới xây dựng hệ thống hơi nhiệt Biomass và điện trong và ngoài nước nhằm xây dựng được một hệ thống các nhà cung cấp chiến lược và lâu dài, đảm bảo nguồn cung ứng trang thiết bị máy móc ổn định phục vụ cho quá trình hoạt động của Công ty. Các nhà cung cấp này đã gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua và sẵn sàng nhằm đảm bảo nguồn cung cho Công ty khi cần thiết.

Bảng 6. Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Công ty TNHH Xây dựng và Cơ khí An Thái	24 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa

2	Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	325/25 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa
3	Công ty TNHH Đầu tư Công nông nghiệp Miền Nam	31 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa
4	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Sơn	357A/23G Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Mùn cưa
5	Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ vận tải Tuấn Phong	87 Thoại Ngọc Hầu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Dầu FO

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

❖ **Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:**

Giá của nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng khiến cho Công ty sẽ phải điều chỉnh tăng giá của sản phẩm đầu ra với các khách hàng mới, có thể sẽ khiến lượng khách hàng mới giảm sút đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty sẽ rất khó điều chỉnh tăng đối với những đơn hàng đang thực hiện và với khách hàng quen thuộc do những chính sách ưu đãi của Công ty nhằm xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng. Vì vậy, giá của nguyên liệu tăng không đồng nghĩa với việc doanh thu Công ty tăng mà còn tiềm ẩn những tác động ngược lại. Hơn thế nữa, giá nguyên liệu đầu vào tăng sẽ kéo theo chi phí sản xuất tăng và chắc chắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận của Công ty. Nắm bắt được điều này, ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng tới việc đa dạng hóa nguồn cung, xây dựng mạng lưới các nhà cung ứng theo nhiều cấp độ, nhằm đảm bảo cho nguồn cung được đảm bảo ổn định về giá cả, số lượng và chất lượng.

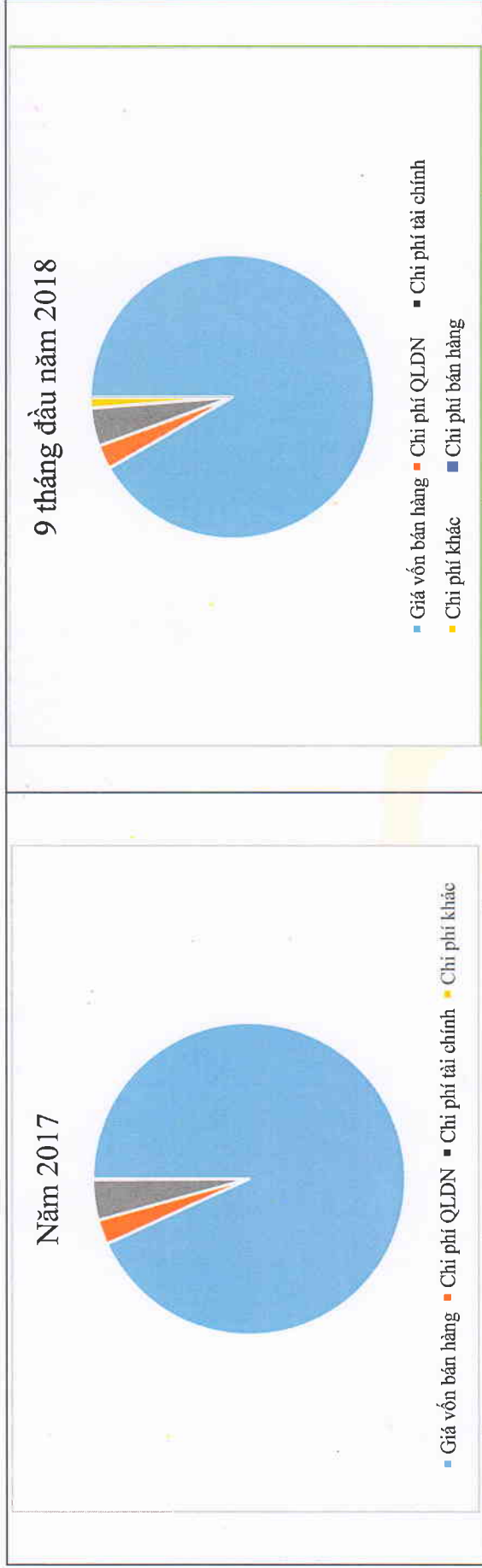
6.3. Cơ cấu chi phí

❖ Tỷ trọng chi phí của Công ty qua các năm:

Bảng 7. Cơ cấu chi phí

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Giai đoạn 1 năm 2016		Giai đoạn 2 năm 2016		Năm 2017		09 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)
1	Giá vốn bán hàng	56.031.183.065	93,00	106.231.266.482	83,62	192.580.762.971	88,14	166.681.486.567	89,88
2	Chi phí bán hàng	18.125.500	0,03	0	0	0	0	31.840.000	0,02
3	Chi phí QLDN	2.202.498.245	3,66	2.326.920.811	1,83	5.325.708.743	2,44	5.014.796.703	2,70
4	Chi phí tài chính	3.646.443.931	6,05	4.072.765.205	3,21	8.669.549.626	3,97	7.887.061.901	4,25
	Tổng cộng	61.898.250.741	102,74	112.630.952.498	88,66	206.576.021.340	94,55	179.615.185.171	96,86



(Nguồn: các BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Trong giai đoạn mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định được kế hoạch phát triển mở rộng phải thực hiện từng bước và lâu dài, chú trọng tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, không vì phát triển “nóng” mà gây ra biến động lớn trong tổng chi phí hoạt động, từ đó giúp ổn định giá thành trên một đơn vị sản phẩm, trên cơ sở tăng trưởng doanh thu đều. Nhìn chung, tỷ lệ tổng chi phí hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần được duy trì khá tốt ở mức xấp xỉ 95% qua các giai đoạn.

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Năm 2017, do sự biến động giá cả trên thị trường một số yếu tố đầu vào, cùng với đó là sự mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư máy móc trong năm 2016 và 2017 phản ánh vào giá vốn hàng bán, cho nên, giá vốn tăng đáng kể, tăng khoảng 19% so với năm 2016. Tuy nhiên cơ cấu chi phí đang dần ổn định qua các năm với tỷ trọng cao của các chi phí liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm: giá vốn, chi phí quản lý và chi phí tài chính.

Chi phí bán hàng bằng 0 là do Công ty không phát sinh chi phí bán hàng trong quá trình hoạt động của mình. Hiện tại, mảng thương mại nhiên liệu của Công ty đang tiến hành dưới 2 hình thức: làm trung gian thương mại các lô nhiên liệu lớn giữa nhà phân phối và các khách hàng, và nhập nhiên liệu thô từ các hộ dân để sơ chế trước khi phân phối cho khách hàng. Chi phí bán hàng đã được tính vào giá thành sản phẩm. Cùng với đó, hoạt động cung cấp hơi nhiệt của Công ty được thực hiện trực tiếp tại các cơ sở của khách hàng. Chính vì vậy, cả hai mảng hoạt động đều không phát sinh chi phí bán hàng.

Chín tháng đầu năm 2018, tuy tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần có cao hơn so với hai năm trước, song nhìn chung vẫn ổn định với cơ cấu không đổi: giá vốn hàng bán chiếm khoảng 89,88% tổng chi phí; tiếp theo là chi phí tài chính: 4,25%; chi phí quản lý: 2,7% và cuối cùng là chi phí bán hàng rất nhỏ, chỉ 0,02%.

Nhìn chung, cơ cấu chi phí của Doanh nghiệp ổn định dần qua các năm và phản ánh đúng với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động. Hơn thế nữa, tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần đang được duy trì tốt và có sự cải thiện qua các thời kỳ, cho thấy việc sử dụng các nguồn lực của Công ty ngày càng hợp lý hơn, sẽ là một yếu tố cạnh tranh của Công ty trong ngành.

❖ **Chính sách quản lý chi phí:**

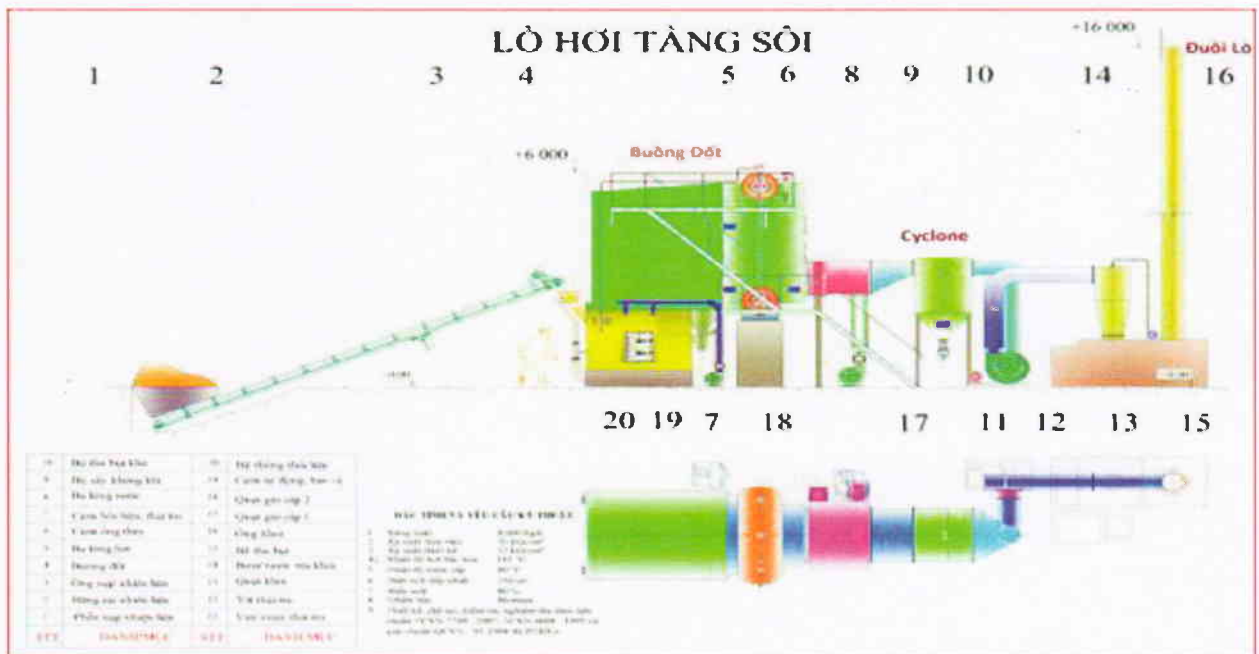
Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, ban lãnh đạo Công ty cũng quan triệt tình thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng CBCNV nhằm mục đích giảm mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong lao động sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.4. Trình độ công nghệ

Lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt - điện là một lĩnh vực đòi hỏi trình độ công nghệ kỹ thuật cao. Công nghệ lò hơi Công ty đang thiết kế và sản xuất dựa trên “Hệ thống thiết bị công nghệ lò hơi bão hòa loại tầng sôi hai cấp kiểu đứng để đốt nhiên liệu sinh khối hiệu suất cao” do Tiến sĩ Nguyễn Thanh Quang – Thành viên Hội đồng quản trị công ty đã được đăng ký độc quyền tại Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ từ ngày 17/11/2010.

❖ Công nghệ lò hơi tầng sôi đốt Biomass

Hình 8. Mô hình lò hơi tầng sôi

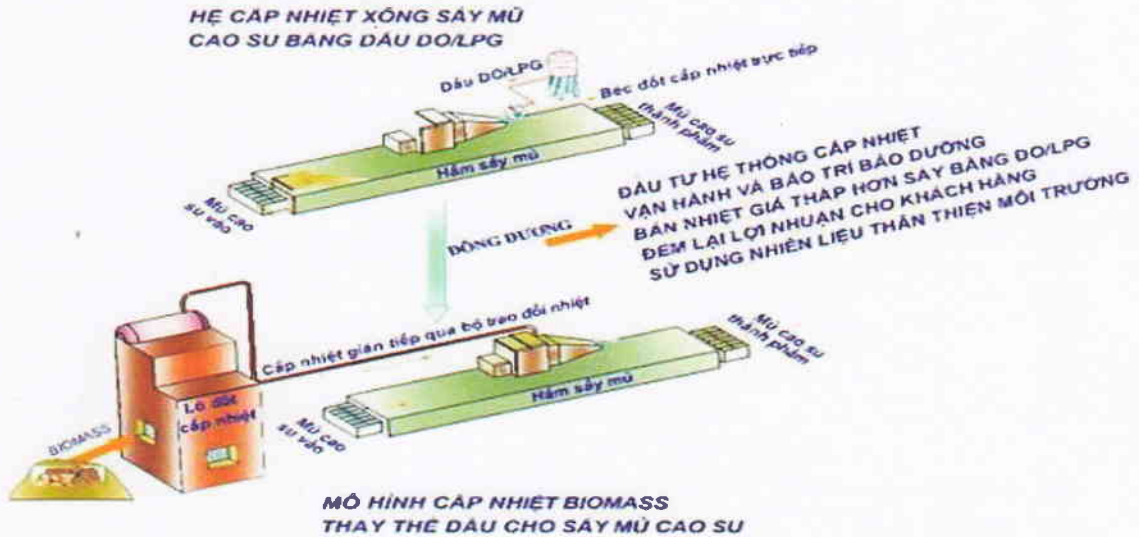


Lò hơi tầng sôi tuần hoàn có cấu tạo bản thể gồm 03 phần chính: Buồng đốt tầng sôi, lò hơi (bao gồm bộ tiết kiệm nhiệt) và bộ xử lý khói thải:

- Buồng đốt tầng sôi: Buồng đốt tầng sôi của lò hơi tầng sôi tuần hoàn có hình dáng tương tự như lò than phun, tuy vậy do khác nhau về phương pháp đốt nên có một số điểm khác biệt lớn về chi tiết.
- Phần hơi (gồm bộ tiết kiệm nhiệt): là một bộ phận dùng để thu các hạt bột gỗ chưa cháy hết trở lại buồng đốt tạo thành một vòng tuần hoàn.
- Phần xử lý khói thải: Gồm cyclone lắng kết hợp phun nước dập bụi, bể lắng bụi, bể xử lý, ống khói và cụm tuần hoàn nước sau xử lý.

❖ **Mô hình cấp nhiệt Biomass thay thế dầu DO, FO**

Hình 9. Mô hình cấp nhiệt Biomass



Cung cấp nhiệt bằng cách thay thế các nhiên liệu đắt tiền như dầu FO, dầu DO bằng nhiên liệu Biomass thông qua chất tải nhiệt trung gian cung cấp cho các hệ thống cần nhiệt để sấy sản phẩm.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Lĩnh vực thiết kế xây dựng và lắp đặt hệ thống hơi nhiệt – điện là một lĩnh vực thuộc ngành năng lượng sạch và công nghệ cao, đang được ưu tiên đầu tư phát triển không chỉ trong nước mà còn trên thế giới. Công nghệ xây dựng thiết kế hệ thống hơi nhiệt – điện trên thị trường Việt Nam rất đa dạng với tốc độ thay đổi, cải tiến ngày càng nhanh. Chính vì vậy, sự cạnh tranh trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực này là rất gay gắt, công ty nào đưa ra được những công nghệ, sản phẩm cải tiến hơn, công ty đó sẽ nhanh chóng chiếm được thị trường. Với lợi thế đội ngũ nòng cốt là các nhân viên thâm niên, cán bộ nghiên cứu đầu ngành về công nghệ năng lượng mới công ty luôn chú trọng việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là nghiên cứu hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện nhằm tối đa hóa năng lực sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu. Các phòng ban, bộ phận liên quan đến kinh doanh và kỹ thuật luôn có sự phối hợp chặt chẽ, nhằm nắm bắt nhu cầu của thị trường, theo dõi công nghệ của đối thủ cạnh tranh, đưa ra các chính sách phát triển sản phẩm mới cho hợp lý và hiệu quả.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Với uy tín và thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ được Công ty đặt lên hàng đầu. Việc kiểm tra giám sát chất lượng được xây dựng trên mô hình quản lý khép kín từ khâu nhập nguyên vật liệu, trang thiết bị máy móc đầu vào cho tới khâu xây dựng lắp đặt cho khách hàng, cũng như là kiểm tra bảo hành

bảo dưỡng máy móc đang hoạt động tại các cơ sở của đối tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh việc sử dụng các hệ thống máy móc kiểm tra chất lượng nhằm đạt được hiệu quả cao. Để đủ tiêu chuẩn cung cấp ra thị trường, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sát sao bằng người và máy móc.

Công ty đang áp dụng những tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015 của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO). Việc áp dụng ISO 9001 vào doanh nghiệp đã tạo được cách làm việc khoa học, tạo ra sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai lỗi hoặc sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt.



Certificate

This is to certify that

INDOCHINE IMPORT EXPORT INDUSTRY INVESTMENT COMPANY LIMITED

15A Dong Da Street, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Has been assessed by ABS Certification Body and found to comply the requirements of

ISO 9001 : 2008

Quality management system

for the following activities

INVESTMENT, SUPPLY AND MANAGEMENT OF THERMAL SYSTEM

Certificate no: 1002014027

Effective date: 02 November 2014

Issue date: 02 November 2014

Expiration date: 02 November 2017



Nguyen Ngoc Cam
Managing Director



Độc Quyền Sử Dụng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương
Số Văn Phòng: 15A Đường Đông Đa, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Website: www.indochineimex.com Email: info@indochineimex.com

Registered office: 15A Dong Da Street
www.iaf.com

ABS Certification Body is a member of the International Accreditation Forum (IAF) and is authorized to issue certificates for ISO 9001:2008. The certificate is valid for the period of 3 years. The certificate holder must undergo a surveillance audit every 12 months. The certificate holder must also undergo a re-certification audit every 3 years. The certificate holder must also comply with the requirements of the ISO 9001:2008 standard.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO).



Certificate

This is to certify that

INDOCHINA IMPORT - EXPORT INDUSTRY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

No. 3A Dong Nai Street, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Has been assessed by ABS Certification Body and found to comply the requirements of

ISO 14001 : 2015

Environment management system

for the following activities

INVESTMENT, SUPPLY AND MANAGEMENT OF THERMAL SYSTEM

Certificate no: 1012017001

Effective date: 12 April 2017

Issue date: 12 April 2017

Expiration date: 11 April 2020


PAC
Pacific Accreditation
Cooperation



Nguyen Ngoc Cam
Managing Director



5th Floor, 614 - 616 - 618 Street 3/2, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City
www.abs-cert.com, email: info@abs-cert.com

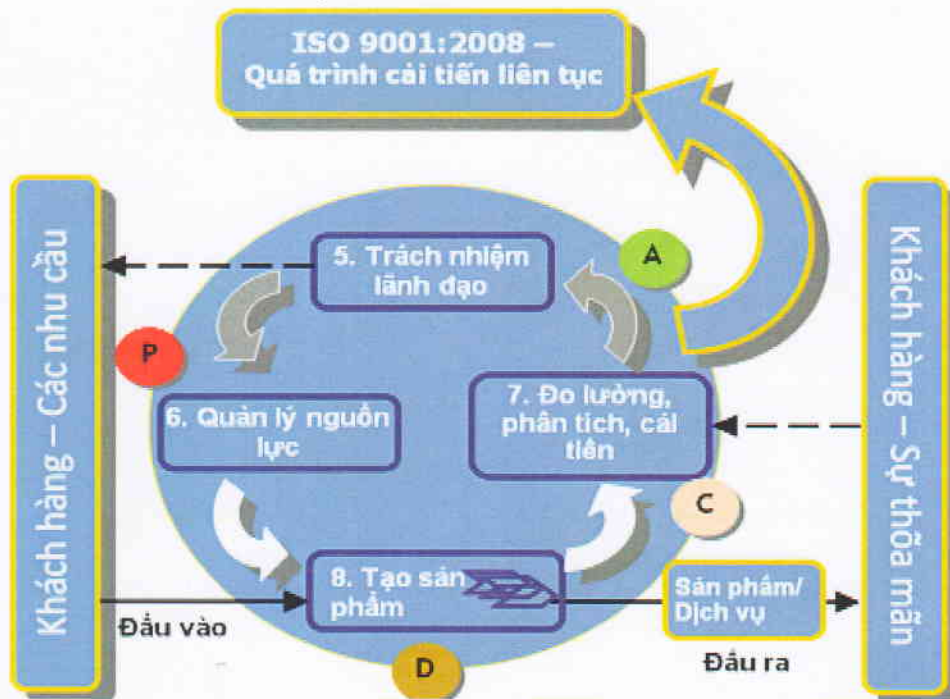
Register information can be checked at
www.abs-cert.com

ABS Certification Body is a member of the International Accreditation Co-operation (IAC) and provides management system certification in the world standard ISO 14001:2015 in Viet Nam. The scope of this certificate is limited to the activities of the client. This system is applicable with ISO 14001:2015 in accordance with the requirements of the standard. The certificate is valid for the validity of ABS Certification. Clients must be aware of the certificate's validity.

Với tư duy kinh doanh hướng tới khách hàng, nên chất lượng luôn là yếu tố được ban lãnh đạo Công ty đặt lên hàng đầu. Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty là một tập hợp

các chuyên gia đầu ngành, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng hơi nhiệt. Quy trình quản lý chất lượng của Công ty như sơ đồ sau:

Hình 10. Sơ đồ quản lý chất lượng



6.7. Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm. Công ty cũng quan tâm tới công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng và đã đạt được những hiệu quả cao. Sản phẩm của Công ty đã được nhiều khách hàng và đối tác biết và tìm đến. Đặc biệt là trên thị trường Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, và các tỉnh lân cận, hình thành một thương hiệu có uy tín. Hoạt động Marketing của Công ty bao gồm:

a. Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu:

Giá trị của một doanh nghiệp không chỉ được thể hiện bằng doanh thu, lợi nhuận, tài sản của doanh nghiệp mà còn được thể hiện qua thương hiệu doanh nghiệp. Sau hơn 6 năm hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, lắp đặt và đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện, thương hiệu Đông Dương đã được khẳng định và được nhiều khách hàng và đối tác ghi nhận.

b. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị:

Công ty đã và đang tích cực quảng bá thương hiệu, uy tín của mình thông qua các kênh thông tin hiện đại để thông tin được truyền tải tới khách hàng đa dạng và chi tiết hơn. Đặc

biệt là thông qua website của Công ty và một số website chuyên ngành công nghệ liên quan tới hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện. Bên cạnh đó, kênh quảng cáo truyền miệng được đánh giá là kênh hiệu quả nhất trong lĩnh vực này. Uy tín và thương hiệu của Công ty luôn là một lời khẳng định chất lượng đối với các đối tác và bạn hàng.

c. Chính sách giá cả:

Bên cạnh chất lượng, chính sách giá cả là yếu tố quyết định đến tính cạnh tranh trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Để thực hiện bình ổn giá và cung cấp sản phẩm dịch vụ chất lượng với mức giá hợp lý nhất, Công ty luôn chủ động đa dạng hóa nguồn cung để có được mức giá tốt nhất kể từ khâu đầu vào, luôn đề cao tính thân tiết kiệm và duy trì trách nhiệm cao trong hoạt động kinh doanh, nhằm mang tới khách hàng mức giá tối ưu nhất. Cùng với đó sự linh hoạt trong các quyết định kinh doanh của ban lãnh đạo dưới sự đề xuất của phòng kinh doanh và phòng kỹ thuật, giúp cho chính sách giá của Doanh nghiệp luôn được bổ sung thay đổi cho phù hợp với tình hình thị trường.

d. Các kênh phân phối:

Hiện tại, Công ty đang có 4 chi nhánh hoạt động như những nhà phân phối độc lập giúp sản phẩm của Đông Dương có thể đến được tay khách hàng tại những thị trường địa phương và hoạt động khá hiệu quả đem lại những hợp đồng lâu dài, tạo doanh thu ổn định và tăng trưởng cho Công ty. Ngoài ra, Công ty vẫn đang triển khai xây dựng các kênh phân phối ngoài những địa bàn truyền thống như Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, nhằm mở rộng thêm thị trường.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Hiện nay, Logo và nhãn hiệu của công ty đang thực hiện đăng ký bản quyền.

Công ty đã được nhận bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho sáng chế “Dây chuyền thiết bị công nghệ lò hơi bảo hòa loại tầng sôi cấp kiểu đứng để đốt nhiên liệu sinh khối hiệu suất cao” của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Quang – Thành viên Hội đồng quản trị được đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất của công ty.



6.9. Một số hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8. Danh sách một số hợp đồng tiêu biểu đã và đang thực hiện

STT	Đối tác	Ngày ký	Thời hạn (năm)	Sản phẩm cung cấp	Giá trị Hợp đồng (VND)/năm
1	Công ty CP Tôn Đông Á	08/2012	7	Cung cấp hơi	7.500.000.000
2	Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu (Việt Nam)	12/2012	10	Cung cấp hơi	7.500.000.000
3	CTCP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	07/2013	8	Cung cấp hơi	1.000.000.000
4	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & Dịch vụ Mai Vĩnh	04/2014	10	Cung cấp nhiệt	4.000.000.000
5	Công ty TNHH Sinh Thành	04/2014	10	Cung cấp nhiệt	5.200.000.000
6	Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	05/2014	5	Cung cấp hơi	12.000.000.000
7	Công ty TNHH MTV	05/2014	10	Cung cấp	2.200.000.000

	Sản xuất Thương mại Nhật Nam			nhiệt	
8	Công ty TNHH TM DV và SX Đồng Nguyễn	06/2014	10	Cung cấp nhiệt	7.500.000.000
9	Công ty CP Cao su Phước Hòa	09/2014	10	Cung cấp nhiệt	4.600.000.000
10	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương	09/2014	Tối thiểu 2 năm	Cung cấp nhiệt	8.500.000.000
11	CN Tổng Công ty NN Sài Gòn TNHH MTV – Công ty Chăn nuôi & CBTP Sài Gòn	06/2015	7	Cung cấp hơi	800.000.000
12	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Công nghiệp Lương Hiệp	01/2017	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	35.500.000.000
13	CTCP Đầu tư Kiến Vàng	01/2017	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	10.500.000.000
14	Cty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vạn Niên	01/2017	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	15.000.000.000
15	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng & Cơ khí Đại Nam	03/2017	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	5.000.000.000
16	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thăng Lợi	05/2017	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	28.000.000.000
17	Công ty TNHH Tâm Phúc Minh	05/2018	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp bã men bia sấy khô, mùn cưa	8.000.000.000
18	CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	03/2018	18	Cung cấp điện rác	6.500.000.000
	Tổng giá trị				169.300.000.000

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016, 2017, và 09 tháng đầu năm 2018

Bảng 9. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

STT	Khoản mục	Giai đoạn 1 năm 2016	Giai đoạn 2 năm 2016	Năm 2017	% 2017 tăng/ giảm so với 2016 (*)	09 tháng đầu năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản (đồng)	217.485.593.241	237.824.889.476	290.737.514.732	-	350.410.262.930
2	Vốn chủ sở hữu (đồng)	73.764.986.734	123.955.384.688	133.382.723.871	-	137.285.940.527
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đồng)	60.249.488.279	127.034.143.356	218.485.284.819	-	185.447.310.269
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (đồng)	(1.644.684.749)	14.407.625.198	11.912.162.101	-	5.833.579.075
5	Lợi nhuận khác (đồng)	(573.917.348)	(1.733.617.935)	(97.245.190)	-	(782.980.690)
6	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	(2.218.602.097)	12.674.007.263	11.814.916.911	-	5.050.598.385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BẢN CÁO BẠCH

7	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	(2.218.602.097)	10.190.397.954	9.427.339.183	-	3.903.216.656
8	Trả cổ tức (%)	-	-	-	-	-
9	LNST/VCSH (%)	-	10,31	7,33	-	-
			9,95			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

(*) Năm 2016 Công ty hoạt động theo hai hình thức Công ty TNHH và CTCP nên không thực hiện so sánh

(**) Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 (BCTC) của Công ty do Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội) thực hiện kiểm toán. CPA Hà Nội đã có Công văn đính chính thông tin về ngày ký BCTC tại Báo cáo kiểm toán độc lập là ngày 30/3/2018 thay vì ngày 29/3/2018 như tại BCTC đã phát hành.

Tháng 6/2016 Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang công ty cổ phần đồng thời tăng vốn điều lệ nên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định qua các năm.

Năm 2017, với chủ trương của Ban Lãnh đạo Công ty về việc tập trung vào hai mảng hoạt động chính là thương mại nhiên liệu biomass và phế phẩm (chủ yếu là mùn cưa) và dịch vụ cung cấp hơi - nhiệt, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đã có những nét khởi sắc hơn so với năm 2016. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng hơn so với năm 2016. Trong năm 2017, Công ty đã ký kết thêm được một số hợp đồng trung và dài hạn với giá trị lớn, tiêu biểu như hợp đồng với Công ty Pepsico Việt Nam - Cần Thơ, CTCP giấy Đồng Tiến - Long An (hợp đồng cung cấp hơi nhiệt), và Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Hoàng Vinh (hợp đồng thương mại mùn cưa). Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai thêm hai dự án thiết kế, thi công và quản lý hệ thống lò hơi - nhiệt lớn là hệ thống lò Pepsico và hệ thống lò Đồng Tiến Long An với tổng giá trị khoảng 75 tỷ đồng, đưa vào hoạt động của Công ty trong năm 2018. Đây là tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ hơn của Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG BẢN CÁO BẠCH

Chín tháng đầu năm 2018, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt hơn 3,9 tỷ đồng, bằng 61,2% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế chín tháng đầu năm còn thấp hơn so với kế hoạch đề ra là do sự biến động về giá cả của cá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là mùn cưa và các sản phẩm biomass khác tăng cao khó lường, khiến cho giá vốn hàng bán trong cả hai lĩnh vực hoạt động của Công ty đều tăng. Đặc biệt là mảng hoạt động thương mại nhiên liệu biomass (mà chủ yếu là mùn cưa) khi mà doanh thu tăng đáng kể nhưng tỷ trọng giá vốn trên doanh thu rất lớn khiến lợi nhuận từ mảng hoạt động này giảm. Cùng với đó, chi phí cho nhân công lao động trong kỳ cũng tăng do chính sách lương thưởng của Công ty trong giai đoạn này, đã góp phần không nhỏ làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty không đạt được như kỳ vọng. Bên cạnh đó, tuy Công ty không hoạt động trong ngành nông lâm nghiệp, nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ tính mùa vụ của các ngành này, do đặc điểm lĩnh vực hoạt động sản xuất của các khách hàng. Nhu cầu sây các sản phẩm nông - lâm sản để vận chuyển và xuất khẩu có xu hướng giảm trong những tháng đầu năm do không đúng mùa vụ thu hoạch, đặc biệt là sản phẩm mù cạo su. Điều này đồng nghĩa với nhu cầu sử dụng dịch vụ cung cấp hơi nhiệt cũng khá thấp so với tháng cuối năm và là nguyên nhân lợi nhuận của mảng hoạt động này trong 9 tháng đầu năm cũng chỉ đạt ở mức trung bình khá.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Những nhân tố thuận lợi

- **Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội:** tình hình kinh tế bước vào giai đoạn hồi phục sau khủng hoảng và có những tín hiệu tích cực trong tăng trưởng, dấu hiệu của một chu kỳ phát triển mới. Điều này tạo ra những cơ hội mới cho các thành phần kinh tế phát triển, nguồn vốn đầu tư đổ vào nền kinh tế cũng trở nên dồi dào hơn, tạo điều kiện thu hút vốn, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, tình hình chính trị - xã hội ổn định tạo điều kiện thuận lợi đáng kể cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có yếu tố liên quan tới nước ngoài.
- **Chính sách của Nhà nước:** Chủ trương mở cửa hội nhập nền kinh tế của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư phát triển vào khu vực công nghiệp Việt Nam đặc biệt là các ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp năng lượng sạch và giải pháp xử lý môi trường tạo ra một thị trường tiềm năng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, lắp ráp, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt - điện như của Công ty. Cùng với đó, ngành năng lượng sạch và năng lượng sinh khối đang ngày càng được quan tâm đẩy mạnh phát triển hơn từ các chính sách khuyến khích của Chính phủ. Điều này tạo thuận lợi cho Công ty trong việc tìm kiếm khách hàng và ký kết các hợp đồng chiến lược dài hạn.
- **Nguồn lực con người:** Ban lãnh đạo Công ty năng động, nhạy bén đã xây dựng kế hoạch phát triển cho Công ty phù hợp với năng lực và xu hướng phát triển vĩ mô. Đội ngũ chuyên gia kỹ thuật công nghệ nhiều kinh nghiệm và nguồn nhân công thâm niên, lành nghề, chủ yếu được tuyển dụng ngay tại địa phương là một lợi thế lớn của Công ty.
- **Nguồn lực sản xuất:** Nguồn trang thiết bị kỹ thuật, máy móc sản xuất của công ty luôn được quan tâm đúng mức, đảm bảo số lượng, chất lượng và cung cấp kịp thời cho khách hàng. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định luôn đáp ứng đủ để phục vụ sản xuất.

➤ **Thị trường tiêu thụ:** Hệ thống hơi nhiệt – điện đang được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các ngành công nghiệp và mỗi ngành công nghiệp đều có những nhu cầu sử dụng với các mức độ và công suất khác nhau. Với việc các khu công nghiệp, các nhà máy ngày càng được mở rộng như hiện nay thì nhu cầu nôi hơi ngày càng tăng cao. Hơn nữa, Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ trong khu vực và trong miền rất ổn định với các đối tác lâu năm.

❖ **Những nhân tố khó khăn**

- **Nguồn vốn đầu tư:** Việc đầu tư các hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn nên phần nào gây khó khăn cho công ty trong việc huy động vốn. Trong khi đó, các điều kiện vay vốn lại đang bị các ngân hàng thắt chặt vì lo ngại nợ xấu khiến nhiều doanh nghiệp trong đó có Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn để củng cố và phát triển hoạt động sản xuất.
- **Yếu tố thiên nhiên:** Thiên tai trong những năm qua diễn ra nhiều và phức tạp hơn, khiến việc nhập khẩu các máy móc trang thiết bị kỹ thuật, cũng như là quá trình vận chuyển cung ứng các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, và dự trữ nguyên liệu khô như viên nén mùn cưa, củi trấu, củi mùn cưa, viên nén gỗ,... tại Công ty cũng như là cơ sở của đối tác gặp ít nhiều khó khăn.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

❖ **Vị thế của Công ty trong ngành**

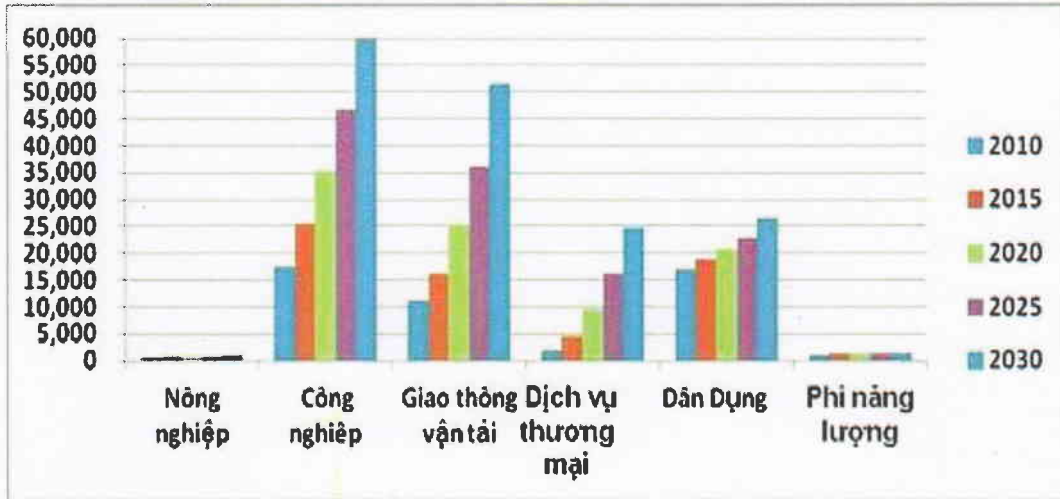
Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty dồi dào có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm. Bên cạnh đó, các thiết bị máy móc và công nghệ điều khiển nhà máy hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và được cung cấp từ các nước có trình độ kỹ thuật tiên tiến. Nhờ đó, những sự cố về máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất hầu như không xảy ra và đảm bảo chất lượng tốt cung cấp cho khách hàng.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Trong bối cảnh nguồn tài nguyên dầu mỏ, khí thiên nhiên, than đá ngày một cạn kiệt, các nguồn năng lượng mới như: quang năng, phong năng, thủy năng, năng lượng sinh học đang là giải pháp xanh mà con người hướng đến. Hiện nay trên quy mô toàn cầu, sinh khối là nguồn năng lượng lớn thứ tư, chiếm tới 14-15% tổng năng lượng tiêu thụ của thế giới. Ở các nước đang phát triển, sinh khối thường là nguồn năng lượng lớn nhất, trung bình đóng góp khoảng 35% trong tổng cung cấp năng lượng. Vì vậy Năng lượng sinh khối giữ một vai trò quan trọng trong các kịch bản năng lượng soạn thảo của nhiều tổ chức quốc tế và có khả

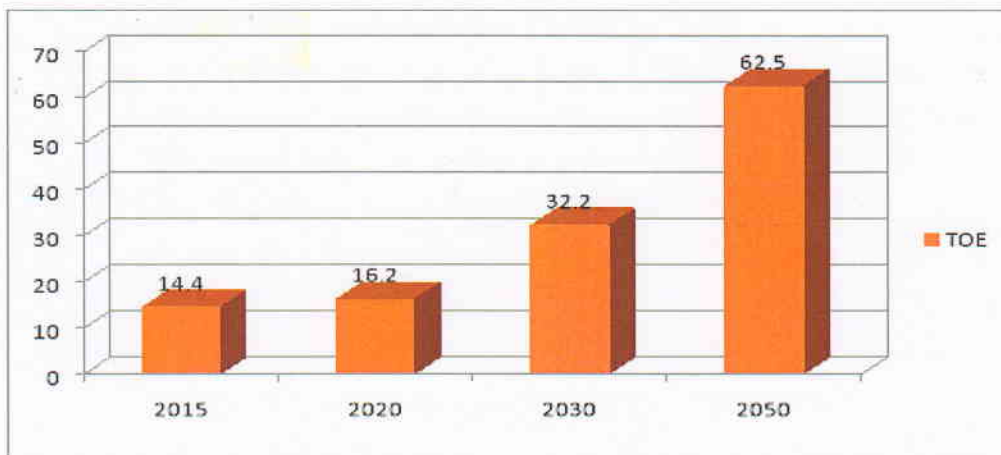
năng sẽ giữ vai trò sống còn trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng của thế giới trong tương lai.

Hình 11. Tình hình sử dụng năng lượng ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2030



Theo số liệu dự báo của Viện chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường Việt Nam nhu cầu sử dụng năng lượng của ngành công nghiệp là rất lớn do vậy phát triển ngành năng lượng cũng được quan tâm và chú trọng hơn. Cũng theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng sử dụng nguồn năng lượng sinh khối tại Việt Nam.

Hình 12. Tổng năng lượng sinh khối sử dụng



Với lợi thế là quốc gia nông nghiệp, Việt Nam có nguồn sinh khối lớn và đa dạng, bao gồm: gỗ, củi, trấu, rơm rạ, vỏ hạt điều, bã mía, các loại phụ phẩm nông nghiệp khác. Ước tính hàng năm Việt Nam có trên 60 triệu tấn sinh khối từ phế phẩm nông nghiệp, đây là nguồn nguyên liệu đầu vào đa dạng với trữ lượng lớn cho các doanh nghiệp trong ngành.

❖ **So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành**

Hiện tại, trong hoạt động của Công ty, doanh thu từ mảng hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty. Tuy nhiên mảng hoạt động cung cấp hơi – nhiệt đóng góp phần lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty. Công ty Đông Dương là công ty thương mại nhiên liệu biomass và phế phẩm và cung cấp hơi-nhiệt đầu tiên đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do đó, các doanh nghiệp được đưa ra so sánh là những công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại nhiên liệu khác như: thương mại xăng dầu (SFC, CMV); thương mại than và các sản phẩm từ than (CLM); và thương mại các sản phẩm nhiên liệu rắn lỏng khác (APP).

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	CTCP Đầu tư công nghiệp XNK Đông Dương	CTCP Nhiên liệu Sài Gòn (SFC - HSX)	CTCP Thương nghiệp Cà Mau (CMV - HSX)	CTCP XNK than – Vinacomin (CLM - HNX)	CTCP Phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ (APP – HNX)
Vốn điều lệ	120	112,91	121,03	110	44,11
Doanh thu thuần	218,48	1.321,74	4.285,91	1.407,35	82,81
Lợi nhuận sau thuế	9,42	31,83	24,23	13,64	1,12
ROA (%)	3,56%	6,29%	3,5%	2,43%	1,53%
ROE (%)	7,32%	14,87%	13,48%	9,54%	2,22%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của các Công ty

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Thế giới đang đứng trước nhu cầu gia tăng mạnh mẽ hoạt động khai thác năng lượng phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời với việc triển khai các hành động ứng phó với sự gia tăng tác động của biến đổi khí hậu do sự sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Giải pháp cơ bản cho các vấn đề đặt ra trên là khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo. Đặc biệt đối với Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất từ các tác động của hiệu ứng nhà kính, đồng thời là quốc gia sản xuất nông nghiệp tuy nhiên nguồn phế phẩm nông nghiệp lại chưa được sử dụng một cách hiệu quả.

Công ty cũng có những định hướng phát triển phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới về việc phát triển nguồn nhiên liệu sạch, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính và tiết kiệm năng lượng, cụ thể như :

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, cho ra đời những sản phẩm đúng tiêu chuẩn đảm bảo môi trường xanh sạch của cộng đồng.
- Cung cấp sản phẩm công nghệ, tự động hóa hoàn toàn, vận hành đơn giản gọn đẹp, tiết kiệm năng lượng, có tính cạnh tranh cao nhằm đáp ứng mọi yêu cầu, giảm thiểu tối đa chi phí cho khách hàng.
- Tạo giá trị gia tăng cho Công ty và đem lại lợi ích kinh tế và tinh thần cho mỗi thành viên, nhân viên của công ty, cho khách hàng và đem lại các lợi ích cho xã hội.
- Chú trọng công tác đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tận thu nguồn phụ phẩm nông nghiệp đa dạng của một đất nước nông nghiệp như Việt Nam. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị để duy trì, phát triển thị trường và xuất khẩu hàng hóa.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác tính giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường. Đồng thời, chú trọng việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

9. Chính sách đối với người lao động

❖ Thực trạng lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Bảng 10. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2018

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn	103	100
- Trên đại học	3	2,91
- Đại học	20	19,42
- Cao đẳng	15	14,56
- Công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo	25	24,27
- Lao động phổ thông	40	38,83

Phân theo hình thức làm việc	103	100
- Lao động hợp đồng dài hạn	49	47,57
- Lao động hợp đồng ngắn hạn	30	29,13
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	24	23,30
Phân loại theo tính chất công việc	103	100
- Lao động trực tiếp	88	85,44
- Lao động gián tiếp	15	14,56

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

❖ **Chế độ làm việc**

- **Thời gian làm việc:** đối với lao động trực tiếp: 3 ca làm việc/ngày, 24 ngày làm việc/tháng; đối với lao động gián tiếp: 2 ca làm việc/ngày, 22 ngày làm việc/tháng. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.
- **Nghỉ ốm, thai sản:** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương và 02 tháng lương tối thiểu chung do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.
- **Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

❖ **Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên kỹ thuật, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, vận hành, trực tiếp lắp đặt máy móc thiết bị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- **Đối với lao động trực tiếp:** đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động. Người lao động cũng luôn được

khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

- **Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, tổ chức các buổi trao đổi, học tập về kiến thức kỹ thuật và cập nhật những kỹ thuật công nghệ cao tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện để đội ngũ chuyên gia kỹ thuật trong việc thử nghiệm những công nghệ mới và triển khai áp dụng vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân 2018 đối với cán bộ công nhân viên Công ty ở mức 7.800.000đồng/tháng.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung. Ngoài được thưởng các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt – điện nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú

trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 19/9/2018 thông qua việc chưa chia cổ tức năm 2017 để tập trung nguồn lực tài chính vào việc phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
- Máy móc và thiết bị	03 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

❖ Mức lương bình quân của người lao động

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động năm 2017 trong Công ty là 7,5 triệu đồng/tháng. Trong 9 tháng đầu năm 2018, mức lương bình quân là khoảng 7,8 triệu đồng/tháng. Đây là mức thu nhập khá cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so

với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương. Trong thời gian tới Công ty cố gắng nâng mức lương bình quân của người lao động lên cao hơn để người lao động gắn bó với Công ty.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định, và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 11. Các khoản phải nộp theo luật định

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.366.913	2.552.976.222	2.430.498.378	1.769.292.013
2	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	44.861.550
3	Thuế GTGT	-	-	-	980.116.988
4	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.017.499	2.017.499	2.017.499	28.137.220
	Tổng cộng	71.384.412	2.554.993.721	2.432.515.877	2.822.407.771

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm được Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành. Hiện tại, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, Công ty tạm thời chưa trích lập các quỹ để tập trung nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh sắp tới.

❖ **Tổng dư nợ vay (trang sau)**

❖ Tổng dư nợ vay

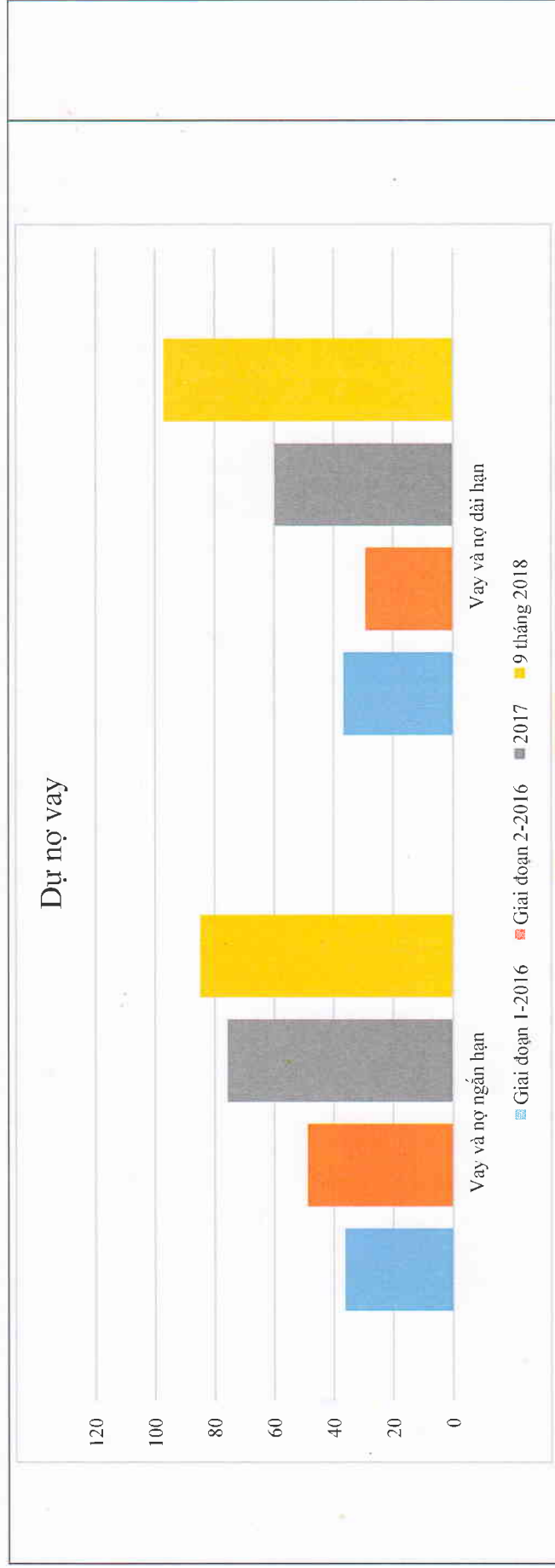
Bảng 12. Tình hình dư nợ vay

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018	Thuyết minh
A	Vay và nợ ngắn hạn	36.254.745.508	48.805.874.285	75.627.668.525	84.915.633.144	
1	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN An Phú	22.682.500.000	24.905.000.000	24.904.391.201	23.675.000.000	(2)
2	Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Ông Ích Khiêm	2.300.000.000	2.300.000.000	-	-	
3	Ngân hàng TMCP quốc dân – PGD Cộng Hòa – CN Sài Gòn	-	5.506.960.000	3.311.000.000	-	
4	Ngân hàng TMCP Đông Á	-	-	25.000.000.000	30.700.000.000	(1)
5	Ngân hàng TMCP quân đội – CN Tân Cảng	-	-	4.000.000.000	-	(3)
6	Nguyễn Thy Mai	-	5.200.000.000	-	-	
7	Nguyễn Thanh Quang	-	5.000.000.000	-	-	
8	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	10.400.000.000	(4)

	<i>Nợ thuê tài chính</i>	11.272.245.508	5.893.914.285	-	-	
9	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	3.712.045.500	-	-	-	
10	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	1.625.000.008	-	-	-	
11	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	5.935.200.000	5.893.914.285	-	-	
	<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	10.699.868.614	18.452.918.859	
15	Ngân hàng Quốc Dân – PGD Cộng Hòa	-	-	3.255.960.000	-	
16	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam	-	-	1.337.824.610	441.922.610	(6)
17	Ngân hàng TMCP Đông Á	-	-	2.720.000.004	3.626.666.672	(5)
18	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	3.386.084.000	7.472.329.577	(7)
19	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	6.912.000.000	(8)
	<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	-	-	7.712.408.710	1.687.714.285	
20	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng công thương Việt Nam	-	-	7.712.408.710	1.687.714.285	(9)

B	Vay và nợ dài hạn	36.567.615.210	29.228.995.715	59.689.394.515	97.061.576.761	
1	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN An Phú	-	-	11.872.419.290	13.866.273.390	(6)
2	Ngân hàng TMCP quốc dân PGD Công Hòa – CN Sài Gòn	-	6.240.710.000	2.984.750.000	-	
3	Ngân hàng TMCP Đông Á	-	-	9.519.999.994	6.799.999.990	(5)
4	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	24.776.836.000	19.083.743.379	(7)
5	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu (ACB Leasing)	7.729.315.230	-	-	-	
6	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	2.312.499.980	-	-	-	
8	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	53.669.760.000	(8)
	Nợ thuê tài chính dài hạn					
7	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh	26.525.800.000	22.988.285.715	10.535.389.231	3.641.800.002	(9)
	Tổng cộng	72.822.360.718	78.034.870.000	135.317.063.040	181.977.209.905	



(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số H.0002/HM17 ngày 16/05/2017; hạn mức 25 tỷ đồng; thời hạn hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, tiền lương và các chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (2) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1606-LAV-201800445 ngày 18/05/2018; hạn mức 35 tỷ đồng; thời hạn hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 18/05/2018; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 25600.17.105.927900.TD ngày 29/12/2017; hạn mức 30 tỷ đồng; thời hạn hạn mức đến ngày 06/10/2018; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là khoản vay theo các Hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4763321/HĐTD ngày 03/04/2018; hạn mức 15 tỷ đồng; thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.
 - Hợp đồng tín dụng số 05/2018/4763321/HĐTD ngày 14/06/2018; hạn mức 7 tỷ đồng; thời hạn hạn mức đến ngày 30/04/2019; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số H.0001/1217 ngày 23/06/2017; số tiền vay 13,6 tỷ đồng; thời hạn hạn mức đến 23/06/2022; mục đích vay: để đầu tư mới dây chuyền sản xuất bột cá, sây và xử lý bã hèm công suất 150 tấn/ngày; lãi suất 8,62% trong 12 tháng đầu tiên, sau đó có điều chỉnh hàng quý. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.
- (6) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1606-LAV-201700784 ngày 09/9/2017; số tiền vay 16,1 tỷ đồng; thời hạn hạn mức 60 tháng; mục đích vay: để bổ sung vốn đầu tư dự án lò hơi công nghệ tăng sôi công suất 18 tấn/h cung cấp hơi cho CTCP giấy Đồng Tiến Long An; lãi suất 10,5%. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty.
- (7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 22DN/2017/HĐHMTD/PVB-CN.TĐ ngày 29/09/2017; số tiền vay tối đa 29.471.000.000 đồng; thời hạn hạn mức 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay: đầu tư trung hạn hệ thống lò hơi tăng sôi 25 tấn/giờ được lắp đặt tại khu công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty; lãi suất theo thông báo của ngân hàng theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.
- (8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4763321/HĐTD ngày 03/04/3018; số tiền vay 20,5 tỷ đồng; thời hạn vay 48 tháng; mục đích vay: đầu tư hệ thống lò hơi công nghệ tăng sôi công suất 25 tấn/giờ; lãi suất 9% trong 6 tháng đầu, lãi suất thả nổi từ kỳ tiếp theo. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4763321/HĐTD ngày 03/04/2018; số tiền vay 9,5 tỷ đồng; thời hạn vay 48 tháng; mục đích vay: đầu tư hệ thống sấy bã hèm bia công suất 8 tấn/giờ; lãi suất 9% trong 6 tháng đầu, lãi suất thả nổi từ kỳ tiếp theo. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.
- Hợp đồng tín dụng số 04/2018/4763321/HĐTD ngày 14/06/2018; số tiền vay 11,4 tỷ đồng; thời hạn vay 48 tháng; mục đích vay: đầu tư xây dựng nhà máy Cung cấp nhiệt cho sây mù cao su Công ty TNHH MTV SX TM Linh Hương; lãi suất theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị của Công ty và tài sản của bên thứ ba.

(9) Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam là khoản nợ thuê tài chính theo các hợp đồng sau:

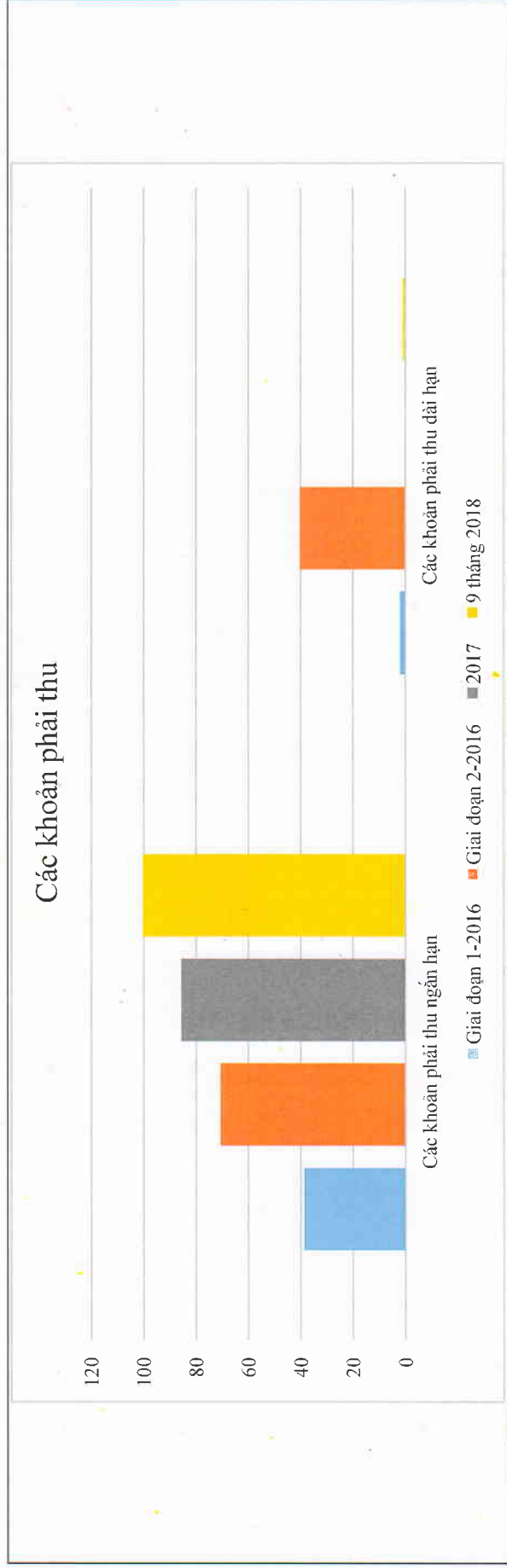
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 15/2014/CN/MN-CTTC ngày 05/12/2014; tài sản thuê là một lò đầu tải nhiệt công nghệ tăng sôi; tổng giá trị tài sản thuê: 11.990.338.000 đồng; nợ gốc 8 tỷ đồng; lãi suất 11% trong 3 tháng đầu và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; thời hạn thuê 60 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 34/2015/CN/MN-CTTC ngày 04/12/2015; tài sản thuê là một lò đầu tải nhiệt công nghệ tăng sôi; tổng giá trị tài sản thuê: 7.955.688.000 đồng; nợ gốc 4,5 tỷ đồng; lãi suất 10,5% trong 3 tháng đầu và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; thời hạn thuê 72 tháng.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 13. Các khoản phải thu

		<i>ĐVT: đồng</i>		
STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2017
A	Các khoản phải thu ngắn hạn	38.659.034.916	70.671.727.150	85.717.581.528
				100.436.296.743

1	Phải thu của khách hàng	31.351.843.565	60.042.225.557	34.921.834.376	72.351.164.338
2	Trả trước cho người bán	4.796.203.612	8.149.208.052	2.346.082.102	27.600.631.114
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
4	Các khoản phải thu khác	3.350.954.285	3.380.282.691	48.449.665.050	484.501.291
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(839.966.546)	(899.989.150)	-	-
B	Các khoản phải thu dài hạn	2.031.647.182	40.237.365.630	112.928.370	968.353.533
1	Phải thu dài hạn khác	2.031.647.182	40.237.365.630	112.928.370	968.353.533
	Tổng cộng	40.690.682.098	110.909.092.780	85.830.509.898	101.404.650.276



(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Các khoản phải thu khách hàng tính đến 30/09/2018 tăng hơn so với cuối năm 2017. Trong quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có thêm các khách hàng tiềm năng mới như công ty TNHH Tâm Phúc Minh, Công ty TNHH Thương Mại XNK Vintech (mảng hoạt động thương mại nhiên liệu biomass và phế phẩm), CTCP Giấy Đồng Tiến – Long An, và Công ty PEPSICO Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ (mảng hoạt động dịch vụ cung cấp hơi nhiệt) với tổng công nợ lên tới 26,8 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty thanh lý tài sản là hệ thống lò hơi công nghệ tăng sôi công suất 20 tấn/giờ cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu đầu tư công nghiệp Lương Hiệp với giá trị 20,35 tỷ đồng, nâng khoản phải thu đối với công ty này tăng lên gần 19,15 tỷ đồng. Ngoài ra, trong chín tháng đầu năm 2018 nhu cầu sử dụng mùn cưa và dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt của các khách hàng lâu năm tăng đáng kể, dẫn tới các khoản phải thu đối với các khách hàng này cũng tăng theo. Tuy các khoản phải thu khách hàng tăng mạnh nhưng đây là đặc điểm hoạt động bình thường của doanh nghiệp do công nợ thường tăng ở các tháng đầu và giữa năm hoạt động, cũng thể hiện

việc phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, đến những tháng cuối năm công nợ của Công ty thường giảm. Đa số các khách hàng của Công ty là khách hàng thân thiết, đã hợp tác lâu năm và việc thanh toán công nợ đều đúng hạn.

Trả trước cho người bán tại thời điểm 30/09/2018 tăng đáng kể so với cuối năm 2017, từ 2,3 tỷ đồng lên tới 27,6 tỷ đồng là do Công ty thực hiện đặt cọc tiền cho đối tác cung ứng để tiến hành mua mùn cưa trong năm tài chính Công ty TNHH CL với giá trị 3 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình triển khai dự án Nhà máy điện rác ở Bình Dương nên đã đặt cọc mua máy phát điện và giải nhiệt 4.600 KW với Công ty TNHH xây dựng và chế tạo cơ khí Phúc Đạt với giá trị 10,35 tỷ đồng, Công ty TNHH thương mại sản xuất và xây dựng Hồng Phát đặt cọc mua thân lò hơi và hệ thống camera quan sát với giá trị 7,84 tỷ đồng.

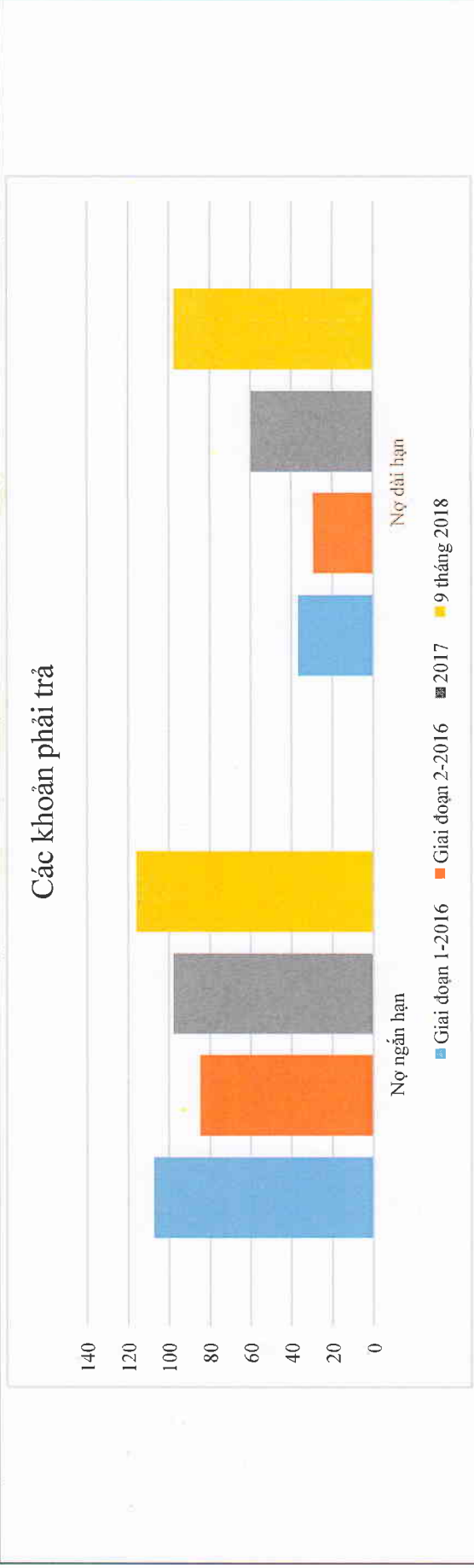
Khoản phải thu ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2017 tăng đột biến từ 3,38 tỷ đồng của cuối năm 2016 lên gần 48,45 tỷ đồng, và chiếm tỷ trọng cao nhất các khoản phải thu ngắn hạn, đây chủ yếu là các khoản tạm ứng trị giá 47 tỷ đồng cho các lãnh đạo của Công ty để triển khai thực hiện các dự án. Tính đến ngày 30/3/2018, các khoản tạm ứng này đã được thu hồi để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 14. Các khoản phải trả

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
A	Nợ ngắn hạn	107.152.991.297	84.640.509.073	97.665.396.346	115.862.745.642
1	Vay và nợ ngắn hạn	36.254.745.508	48.805.874.285	75.627.668.525	84.915.633.144
2	Phải trả người bán	62.517.906.048	29.639.454.940	16.347.341.992	24.175.907.046
3	Người mua trả tiền trước	6.397.929.204	500.000.000	-	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	71.384.412	2.554.993.721	2.432.515.877	2.822.407.771

5	Phải trả người lao động	697.548.940	902.433.097	855.096.673	1.257.900.310
6	Chi phí phải trả	139.193.965	416.861.747	211.609.588	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	1.074.283.220	1.820.891.283	2.191.163.691	2.690.897.371
B	Nợ dài hạn	36.567.615.210	29.228.995.715	59.689.394.515	97.261.576.761
1	Vay và nợ dài hạn	36.567.615.210	29.228.995.715	59.689.394.515	97.061.576.761
2	Phải trả dài hạn người bán	-	-	-	200.000.000
	Tổng cộng	143.720.606.507	113.869.504.788	157.354.790.861	213.124.322.403



(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 09 tháng đầu năm 2018 và BCTC Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Phải trả người bán ngắn hạn tại thời điểm 30/09/2018 tăng gần 48% so với cuối năm 2017 là do Công ty mua mùn cưa của công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Việt với giá trị 15,87 tỷ đồng. Ngoài ra, trong nửa đầu năm 2018, Công ty có thêm các khoản phải trả nhà cung cấp mới như Công ty TNHH đầu tư và năng lượng Thiên Sơn cung cấp than cám nguyên liệu đốt cho lò Pepsico với giá trị 2,25 tỷ đồng, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phan Vĩnh cung cấp than cám nguyên liệu đốt cho lò Đồng Tiến Long An với giá trị 2,19 tỷ đồng.

❖ **Hàng tồn kho**

Bảng 15. Tình hình hàng tồn kho

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
	Hàng tồn kho	57.906.280.119	29.521.129.635	16.495.976.534	13.474.239.563
1	Nguyên liệu vật liệu	51.277.132.195	13.256.132.127	4.714.652.375	2.001.482.016
	Dăm bào	9.746.776.710	6.393.734.270	0	0
	Mùn cưa	30.168.027.606	2.132.867.606	4.658.689.875	1.117.669.971
	Mùn cưa tươi	11.362.327.879	4.729.530.251	0	0
	Nguyên liệu, vật liệu khác	0	0	55.962.500	0
	Than indo	-	-	-	883.782.045
2	Công cụ, dụng cụ	54.428.182	54.428.182	54.428.182	35.672.727
	Bộ dao dự phòng	23.400.000	23.400.000	23.400.000	23.400.000
	Máy bơm nước Water Pump	8.546.364	8.546.364	8.546.364	0
	Máy làm lạnh Daikin	8.546.364	8.546.364	8.546.364	0
	Máy bơm nước Panasonic	1.663.636	1.663.636	1.663.636	0

	Công cụ, dụng cụ khác	12.272.727	12.272.727	12.272.727	12.272.727
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	1.345.031.144	0	0	3.219.383.081
4	Hàng hóa	5.229.688.598	16.210.569.326	11.726.895.977	8.217.701.739
	Mùn cưa	5.229.688.598	16.210.569.326	11.726.895.977	8.217.701.739

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Giai đoạn từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2016, nhận định được nhu cầu về các sản phẩm nhiên liệu biomass và phế phẩm ngày càng tăng cao với mức giá sẽ tiếp tục tăng trong thời gian sắp tới, cùng kế hoạch tăng sản lượng hơi cung cấp cho tập khách hàng cho giai đoạn nửa cuối năm 2016, ban lãnh đạo Công ty chủ trương nhập tích trữ dự phòng thêm các phế phẩm và nhiên liệu thô (kể cả mùn cưa tươi) tại thời điểm mức giá hợp lý, nhằm chủ động nguồn cung cho hoạt động cung cấp hơi nhiệt giảm thiểu ảnh hưởng từ biến động giá tăng, đồng thời, thu lợi nhuận cao hơn cho mảng hoạt động thương mại. Chi tính riêng chi phí nhiên liệu đốt (chủ yếu là mùn cưa) trung bình cho hệ thống các lò hơi nhiệt của Công ty đã dao động khoảng 1,8 tỷ đồng/tháng. Các phế phẩm và nhiên liệu thô sẽ được Công ty sơ chế, sấy khô, phân loại trước khi đưa vào chuỗi thương mại. Do đó, giá trị hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên liệu vật liệu tại thời điểm 13/06/2016 ghi nhận ở mức cao (51,27 tỷ đồng, bằng 88,55% tổng giá trị hàng tồn kho). Trong giai đoạn 2 năm 2016, Công ty sử dụng nguyên vật liệu đốt cho các hệ thống lò hơi nhiệt và xuất bán khi mức giá đã lên mức kỳ vọng, do đó, đến thời điểm 31/12/2016, giá trị nguyên vật liệu giảm xuống và một phần kết chuyển vào hàng hóa thương mại (mùn cưa).

Hàng tồn kho lớn nhưng Công ty không tiến hành trích lập dự phòng là do Công ty đã xây dựng kế hoạch tích trữ lượng lớn hàng tồn kho với những chuẩn bị trước về quy trình đánh giá, thu gom và bảo quản hàng tồn kho. Kết quả triển khai quy trình được thực hiện nghiêm túc và đã tránh được hao hụt cũng như tác động khác từ môi trường. Các lô hàng được mua về thường đã có kế hoạch sử dụng hoặc nhận được các đơn hàng đặt mua ngay sau đó. Với quy trình bảo quản hiệu quả trên, Công ty đã không cần phải trích lập dự phòng tồn thất hàng tồn kho trong các kỳ.

❖ **Đầu tư tài chính dài hạn**

Bảng 16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Đầu tư tài chính dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	20.000.000.000	-
1.1	Đầu tư vào công ty con	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
1.2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	20.000.000.000	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017, và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Năm 2016, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH phát triển năng lượng Đại Dương, vốn điều lệ 5 tỷ đồng. Ngày 23/01/2017, Công ty đã thực hiện thoái hoàn toàn vốn khỏi công ty này, như vậy tính tới thời điểm đăng ký niêm yết, Công ty TNHH phát triển năng lượng Đại Dương không còn là công ty con của Công ty.

Năm 2017, Công ty thực hiện đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành với số vốn là 20 tỷ đồng. Sau đó, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty số 06/2017/NQ-ĐHĐCĐ/DDG ngày 08/03/2017 và Nghị quyết HĐQT số 01/2017/NQ-HĐTV/DT ra ngày 10/03/2017 của công ty TNHH đầu tư công nghiệp Đông Thành (Công ty Đông Thành), số vốn hợp tác kinh doanh chuyển thành vốn góp của Công ty vào Công ty Đông Thành với giá trị góp vốn là 20 tỷ đồng, là công ty liên kết. Tính đến 30/09/2018, Công ty đã thoái phần vốn góp 20 tỷ đồng tại Công ty Đông Thành và số tiền này được Công ty sử dụng để trả nợ vay và bù đắp chi phí đầu tư vào các dự án mới.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn 1 năm 2016	Giai đoạn 2 năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,97	1,21	1,13
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,43	0,86	0,96
2. Chỉ số về cơ cấu nợ				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)	%	66,08	47,88	54,12
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	%	194,84	91,86	117,97
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	0,97	2,43	8,37

+ DTT/TTS bình quân	Vòng	0,28	0,56	0,83
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LNST/DTT	%	-3,68	8,02	4,31
+ Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE)	%	-3,01	10,31	7,73
+ Hệ số LNST/TTS bình quân (ROA)	%	-1,02	4,48	3,57
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	-0,03	11,34	5,45

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC kiểm toán 2017 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1. Danh sách nhân sự chủ chốt

Bảng 18. Danh sách nhân sự chủ chốt

STT	Họ và tên	Chức danh
I	Hội đồng quản trị	
1	Nguyễn Thanh Quang	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Kim Sa	Thành viên HĐQT
3	Trần Kim Cương	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Trung Quốc	Thành viên HĐQT
5	Tạ Thị Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT
II	Ban Tổng giám đốc	
1	Trần Kim Sa	Tổng giám đốc
2	Trần Kim Cương	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Trung Quốc	Phó Tổng giám đốc
III	Ban kiểm soát	
1	Nguyễn Văn Thảo	Trưởng BKS
2	Cai Hà Ái Mỹ	Thành viên BKS
3	Nguyễn Mạnh Tiến	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng	
	Ngô Hoàng Yến	Kế toán trưởng

12.2. Sơ yếu lý lịch

❖ Lý lịch Hội đồng quản trị

a. **ÔNG: NGUYỄN THANH QUANG - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : NGUYỄN THANH QUANG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/08/1961
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : 22/9 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 025719411 Ngày cấp: 27/05/2013 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0931966668
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ kỹ thuật nhiệt
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giảng viên – ĐH Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1985 – 1996	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Giảng viên
Từ năm 1996 – 2000	Đại học kỹ thuật Tổng hợp Dresden, Cộng hòa liên bang Đức	Nghiên cứu sinh
Từ năm 2001 – 2009	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Giảng viên
Từ năm 2002 – 2009	Công ty TNHH Trường Quang II – Đà Nẵng	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2010	CTCP kỹ thuật nhiệt năng	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2011	Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên thỉnh giảng
Từ năm 2011 – nay	Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên hợp đồng
Từ năm 2012 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kỹ thuật
Từ tháng 06/2016 – 11/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kỹ thuật
Từ tháng 12/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

b. BÀ: TRẦN KIM SA – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : TRẦN KIM SA
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/04/1970
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 592 Nguyễn Duy, phường 10, quận. 8, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số CMND: 022557947 Ngày cấp: 01/06/2012 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0938035555
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 – 2000	Công ty TNHH Đại Dương	Giám đốc
Từ năm 2001 – 2008	CTCP Hoa Nguyên	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2010	Công ty TNHH Hưng Điền	Thành viên HĐQT
Từ tháng 06/2010 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Từ 06/2016 – 11/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Từ 12/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên người có liên quan: Trần Kim Cương

Mối quan hệ: Em trai

Số cổ phần sở hữu: 500.000 cổ phần, chiếm 4,17% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

c. ÔNG: TRẦN KIM CƯƠNG - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : TRẦN KIM CƯƠNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/08/1976
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 592 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 023021618 Ngày cấp: 03/10/2011 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0909 809 868
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 – 2009	CTCP Hoa Nguyên	Trưởng phòng
Từ năm 2010 – 2012	Công ty Việt Nguyên	Giám đốc
Từ năm 2012 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Phó giám đốc
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phần, chiếm 4,17% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan:
 1. Họ tên người có liên quan: Trần Kim Sa
Mối quan hệ: Chị gái
Số cổ phần sở hữu: 1.500.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ
 2. Họ tên người có liên quan: Trần Ngọc Phụng

Mối quan hệ: Vợ

Số cổ phần sở hữu: 1.120.000 cổ phần, chiếm 9,33% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

d. ÔNG: NGUYỄN TRUNG QUỐC – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN TRUNG QUỐC
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/07/1974
- Nơi sinh : Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND: 024562803 Ngày cấp: 16/06/2006 Nơi cấp: Tp. Hồ Chí Minh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 65/3D Khu phố 6, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0906934079
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1997 – 2000	Công ty Tapo Lũng Lô – thủy điện Hàm Thuận Đa-Mi	Giám sát kỹ thuật
Từ năm 2000 – 2004	Công ty TNHH Thang máy Sinh Tài	Phó giám đốc
Từ năm 2004 – 2010	Công ty TNHH Kỹ thuật môi trường PST	Trợ lý giám đốc
Từ năm 2010 – 2011	Công ty TNHH Hơi và Điện Tín Thành	Trưởng phòng kế hoạch
Từ năm 2011 – tháng 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Phó giám đốc
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 37.500 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Sở hữu của người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

e. BÀ: TẠ THỊ NGỌC THẢO – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : TẠ THỊ NGỌC THẢO
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 15/8/1957
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Số CMND: 001157009374 Ngày cấp: 10/08/2017 Tại: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú về dân cư
- Số điện thoại liên lạc : 0903911518
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1981 – 2002	-	Làm kinh tế tư nhân
Từ năm 2002 – 2006	Công ty TNHH Tạ Thị Ngọc Thảo	Giám đốc
Từ năm 2002 – 2011	Công ty TNHH T.T.N.T	Giám đốc
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phần, chiếm 4,17% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có

❖ **Lý lịch Ban Tổng giám đốc**

a. BÀ: TRẦN KIM SA – Tổng giám đốc

(Xem mục Lý lịch Hội đồng quản trị – mục a.)

b. ÔNG: TRẦN KIM CƯỜNG – Phó Tổng giám đốc

(Xem mục Lý lịch Hội đồng quản trị – mục c.)

c. ÔNG: NGUYỄN TRUNG QUỐC – Phó Tổng giám đốc

(Xem mục Lý lịch Hội đồng quản trị – mục d.)

❖ **Lý lịch Ban kiểm soát**

a. ÔNG: NGUYỄN VĂN THẢO – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : NGUYỄN VĂN THẢO
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 29/11/1994
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện tại: phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số CMND: 191834066 Ngày cấp: 16/06/2015 Nơi cấp: Thừa Thiên Huế
- Điện thoại liên lạc : 0901898930
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kiểm toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tư vấn chứng khoán – CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) và CTCP Chứng khoán Vndirect
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 01/2016 – 04/2016	Công ty TNHH Kiểm toán Viet&Co	Kiểm toán viên
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	Tư vấn chứng khoán
Từ tháng 10/2017 - nay	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Tư vấn chứng khoán
Từ tháng 06/2016 – 09/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Ban kiểm soát
Từ tháng 09/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Trưởng Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

b. BÀ: CAI HÀ ÁI MỸ - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : CAI HÀ ÁI MỸ
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 16/09/1995
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối 7, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số CMND: 215319233 Ngày cấp: 28/01/2010 Tại: Bình Định
- Điện thoại liên lạc : 0975898169
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh và kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chuyên viên tư vấn – Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và CTCP Chứng khoán Vndirect
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 06/2016 – 09/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Nhân viên
Tháng 12/2016 – nay	Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Chuyên viên tư vấn
Tháng 02/2017 - nay	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Tư vấn chứng khoán
Tháng 09/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không

- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

c. ÔNG: NGUYỄN MẠNH TIẾN – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : NGUYỄN MẠNH TIẾN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/08/1986
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
- Số CMND: 012582090 Ngày cấp: 28/02/2013 Tại: Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0906 661 683
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh và kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc miền của CTCP Sơn NEWTON quốc tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 02/2010 – 08/2010	CTCP Chứng khoán SJC	Chuyên viên phân tích
Từ tháng 09/2010 – 10/2013	CTCP Chứng khoán Vndirect	Chuyên viên môi giới chứng khoán
Từ tháng 02/2015 – 05/2016	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thực phẩm an toàn	Giám đốc bán lẻ
Từ tháng 05/2016 – nay	CTCP Sơn NEWTON quốc tế	Giám đốc miền
Từ tháng 09/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

❖ Lý lịch Kế toán trưởng: BÀ NGÔ HOÀNG YẾN

- Họ và tên : NGÔ HOÀNG YẾN
- Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1976
- Nơi sinh : Đắk Lắk
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện tại: 206/7B, Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 025679039 Ngày cấp: 15/10/2012 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0909841999
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 – 2004	Công ty TNHH thiết bị điện C.T.D	Kế toán
Từ năm 2004 – 2011	Công ty TNHH Vũ Hoàng Hải	Giám đốc tài chính
Từ năm 2012 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Kế toán trưởng
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 224.000 cổ phần, chiếm 1,87% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

13. Tài sản

Bảng 19. Tài sản của Công ty

Tại thời điểm 13/06/2016 và 31/12/2016:

STT	Danh mục tài sản	13/06/2016			31/12/2016		
		NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL	NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL
1	Nhà cửa vật tư, kiến trúc	5.302.844.245	4.064.315.525	76,65	3.562.933.427	2.456.825.150	73,96
2	Máy móc, thiết bị	45.185.610.685	31.841.129.151	70,47	71.315.136.734	51.570.967.363	71,63
3	Thiết bị quản lý	788.626.098	474.136.604	60,12	676.841.552	364.340.802	64,44
	Tổng cộng	51.277.081.028	36.379.581.280	70,95	75.554.911.713	54.392.113.315	71,76

* NG: nguyên giá

GTCL: giá trị còn lại

(Nguồn: các BCTC kiểm toán công ty mẹ năm 2016 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Tại thời điểm 31/12/2017 và 30/09/2018:

STT	Danh mục tài sản	31/12/2017			30/09/2018		
		NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL	NG (đồng)	GTCL (đồng)	% GTCL
1	Nhà cửa vật tư, kiến trúc	3.562.933.427	2.133.313.634	59,86	7.382.946.431	5.516.490.991	74,72
2	Máy móc, thiết bị	95.382.360.034	67.878.053.440	71,16	234.462.876.155	195.467.674.350	83,37

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BẢN CÁO BẠCH

3	Thiết bị quản lý	676.841.552	342.397.470	50,59	599.154.853	166.081.880	27,72
	Tổng cộng	99.622.135.013	70.353.764.544	71,62	242.444.977.438	201.150.247.221	82,97

* NG: nguyên giá

GTCL: giá trị còn lại

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Bảng 20. Tài sản cố định thuê tài chính

STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Nguyên giá (đồng)	77.329.300.962	40.561.676.293	40.561.676.293	40.561.676.293	18.205.024.384
2	Giá trị còn lại (đồng)	69.668.673.197	35.377.290.998	35.377.290.998	32.251.277.222	12.970.715.910
3	% Giá trị còn lại	90,09%	87,22%	87,22%	79,51%	71,24%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Bảng 21. Xây dựng cơ bản dở dang

STT	Khoản mục	13/06/2016	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	576.292.380	0	57.030.562.671	263.081.204
	Nhà làm việc Phước Hòa và Lò Heniken	576.292.380	0	-	-
	Lò Pepsico	-	-	39.239.431.853	-

ĐVT: đồng

Lò Đồng Tiến – Long An	-	-	17.791.130.818	-
Nhà máy điện rác	-	-	-	263.081.204

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC kiểm toán 2017 và BCTC 09 tháng đầu năm 2018 của CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

Bảng 22. Tình hình tài sản của Công ty

Đặc điểm hoạt động dịch vụ cung cấp hơi nhiệt là các khách hàng sử dụng dịch vụ cho Công ty thuê đất để xây dựng hệ thống nhà xưởng và hệ thống lò cung cấp hơi nhiệt trên đó để phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất của khách hàng tại chính địa điểm nhà máy của khách hàng. Do đó, tài sản của Công ty là công trình trên đất và việc thuê đất được tự động gia hạn từng năm theo hoạt động cung cấp hơi nhiệt của Công ty.

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Mai Vĩnh	Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	363,3m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Mai Vĩnh	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 0104/HĐKT/DD-MV
2	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Nhật Nam	Huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	360 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Nhật Nam	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 05/HĐCN-2014
3	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Linh Hương	Xã Tân Long Hưng, Bù Gia Mập, Bình Phước	576 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Linh Hương	Gia hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 2509/HĐKT/DD-LH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BẢN CÁO BẠCH

4	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Heiniken	KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	1.560 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Heiniken	10 năm	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 0446/14/VBL
5	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Phước Hòa	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	390 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Phước Hòa	Giã hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 1709/HĐKT/PH-DD
6	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Adeco	Đường số 4 cụm CN Khu Dân Cư Đô Thị Mới, Nhị Xuân, ấp 5 xã Xuân Thới Sơn, huyện Hoác Môn, Tp. Hồ Chí Minh	88 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Adeco	Giã hạn từng năm và theo hợp đồng cung cấp hơi nhiệt	Hợp đồng cung cấp hơi nhiệt số: 0106/2015/HĐCCH

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

Bảng 23. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019 (*)	
		Giá trị	% tăng so với năm 2017	Giá trị	% tăng so với năm 2018
1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	285	137,5	-	-
2	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	240	9,84	-	-
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	11	16,65	-	-
4	Tỉ lệ LNST/VĐL (%)	3,86	-	-	-
5	Tỉ lệ LNST/DTT (%)	4,58	-	-	-
6	Tỷ lệ cổ tức (%/MG)	-	-	-	-

(Nguồn: ĐHCĐ thường niên 2018 CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

(*) Hiện nay Công ty chưa có số liệu về kế hoạch năm 2019

14.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Về triển vọng phát triển ngành: các mảng hoạt động của Công ty nằm trong hai ngành có mức độ tăng trưởng và độ hấp dẫn vốn đầu tư nước ngoài FDI ấn tượng nhất của nền kinh tế Việt Nam trong năm vừa qua, đó là ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành năng lượng, đặc biệt là phát triển năng lượng xanh được các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản quan tâm.
- Về lợi thế cạnh tranh công nghệ và chất lượng của sản phẩm dịch vụ: Công ty hiện tại đang sở hữu độc quyền công nghệ “Lò hơi tầng sôi đốt Biomass” trên thị trường Việt Nam. Thực tiễn, công nghệ này đã đạt được hiệu quả cao trong việc cung ứng hơi nhiệt cho khách hàng, tiết kiệm nguyên nhiên liệu trong quá trình vận hành hệ thống, và được nhiều đối tác ưu tiên lựa chọn trong việc xây dựng hệ thống lò hơi nhiệt phục vụ sản xuất kinh doanh của mình. Công nghệ này đang và sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh lớn của Doanh nghiệp trên thị trường. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng nghiên cứu cải tiến và nâng cấp công nghệ, khuyến khích đội ngũ chuyên gia kỹ thuật phát minh ra những công nghệ mới đạt hiệu suất cao hơn với lượng nguyên nhiên liệu ít hơn, có tính ứng dụng vào thực tiễn sản xuất cao.
- Về các giải pháp thực hiện, ban lãnh đạo Công ty đang triển khai các giải pháp mang tính định hướng lâu dài, cụ thể là:

- Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo tiếp tục tập trung vào nghiên cứu sản xuất và phân phối các sản phẩm nguyên liệu đốt từ phế phẩm nông lâm nghiệp và có mức sinh nhiệt cao, đáp ứng tốt nhu cầu của các hệ thống nhiệt, đây được Công ty đánh giá là một trong những thế mạnh tiềm năng của mình.
 - Xây dựng mạng lưới nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu rộng rãi và có năng lực, đảm bảo lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định. Giám sát quản lý chất lượng từ khâu nhập các yếu tố đầu vào đến khâu cung ứng và vận chuyển đến địa điểm kinh doanh, dự trữ của khách hàng, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt nhất để phục vụ cho nhu cầu của khách hàng và đối tác, đồng thời, giúp giảm thiểu tối đa mức độ hao mòn, hỏng hóc, và các chi phí liên quan tới việc phục hồi chất lượng sản phẩm hoặc tiêu hủy sản phẩm, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Từ đó nâng cao uy tín trên thị trường.
 - Tăng cường công tác quản lý công nghệ, nghiên cứu phát triển công nghệ mới và triển khai ứng dụng thử nghiệm trên thực tế, không ngừng giám sát theo dõi các công nghệ và chất lượng sản phẩm dịch vụ của đối thủ cạnh tranh nhằm đưa ra được những chiến lược kinh doanh phù hợp.
 - Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường nhằm bám sát thị trường, tập trung vào những thị trường trọng điểm có sức tiêu thụ lớn, đồng thời, tiếp tục triển khai các chương trình marketing truyền thông phù hợp với đặc thù của lĩnh vực hoạt động nhằm mở rộng và phát triển thêm thị trường ra các vùng, khu vực khác có tiềm năng. Tăng cường tiếp thị sản phẩm, phát triển các kênh phân phối và hệ thống bán hàng trong khu vực miền Nam, đồng bằng Sông Cửu Long và có thể mở rộng ra khu vực miền Nam Trung bộ.
 - Thực hiện chính sách sản xuất dự trữ, lưu kho hợp lý, đảm bảo chất lượng của nguyên nhiên vật liệu lưu kho, giảm thiểu tối đa sự hao mòn của trang thiết bị máy móc trong kho, đồng thời, vẫn đáp ứng tốt, kịp thời và chính xác nhu cầu của thị trường và khách hàng mục tiêu, tối ưu hóa hàng tồn kho.
- Về chi phí cấu tạo nên giá thành sản phẩm dịch vụ, Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.
 - Về nguồn nhân lực, Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm lãnh đạo, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật có trình độ, năng lực, kiến thức công nghệ cao và đội ngũ công nhân năng động, lành nghề. Công ty luôn chủ động, sáng tạo, hợp lý hóa quy trình sản xuất, khai thác các thị trường có lợi thế để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời, triển khai các hoạt động marketing hiệu quả nhằm mở rộng thêm thị phần.
- Về hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện tại, Công ty đang tiếp tục thực hiện những hợp đồng đã được ký kết với các khách hàng thân thiết có thời hạn thực hiện hợp đồng kéo trong thời gian dài, đảm bảo nguồn doanh thu ổn định trong các năm tiếp theo của Công ty (*danh*

sách một số hợp đồng tại mục 6.9). Bên cạnh đó, Công ty đang tiếp tục đàm phán tiến tới ký kết hợp đồng cung cấp hơi nhiệt – điện và cung cấp các sản phẩm đốt từ phế phẩm như củi mùn cưa, củi trấu, viên nén mùn cưa, viên nén gỗ...cho các đối tác khác.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị thực hiện	% thực hiện kế hoạch
1	Doanh thu thuần	185.447.310.269	77,27
2	Lợi nhuận sau thuế	3.903.216.656	35,48

Tính đến hết tháng 09 năm 2018, doanh thu thuần của Công ty đạt được 185,4 tỷ, tương ứng đạt 77,27% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt trên 3,9 tỷ đồng, bằng khoảng 35,48% kế hoạch. Theo đánh giá của Ban Lãnh đạo công ty với kết quả doanh thu thuần đến thời điểm cuối tháng 09 năm 2018 thì việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch doanh thu thuần cả năm 2018 là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, với kết quả lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2018, kế hoạch lợi nhuận của Công ty sẽ khó có thể hoàn thành được mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đề ra. Nguyên nhân chủ yếu của việc lợi nhuận sau thuế thấp hơn so với kế hoạch là do biến động khó lường về giá cả của thị trường các nguyên vật liệu đầu vào trong năm. Bên cạnh đó, trong năm 2018, ban lãnh đạo Công ty cũng thực hiện chính sách tăng lương cho người lao động lâu năm hoặc có thành tích lao động nổi trội để khuyến khích cán bộ công nhân viên dẫn đến chi phí tăng. Do đó, lợi nhuận có thể không đạt được như đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Theo đánh giá của Ban Lãnh đạo Công ty, dự kiến lợi nhuận 2018 có thể đạt khoảng 10 tỷ đồng, do nhu cầu sản xuất của khách hàng tăng cao, vào đợt mùa vụ...nên doanh thu các tháng cuối năm thường cao hơn so với đầu năm. Ngoài ra, Công ty có thêm các khách hàng mới là CTCP Nam Tiến, dự kiến cung cấp hơi vào tháng 11/2018 đi đường ống từ lò hơi Pepsico và Công ty TNHH Phương Yên, cung cấp hơi vào tháng 11/2018 đi đường ống hơi từ lò Đồng Tiến Long An.

- Kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ năm 2018 đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 19/9/2018

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty sẽ tiến hành mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình sang lĩnh vực năng lượng sạch với hai dự án trọng điểm, đó là: dự án “Đầu tư sản xuất hơi – điện và sấy hèm” cho CTCP nhà máy bia Heineken Vũng Tàu (trực thuộc công ty TNHH nhà máy bia Heineken Việt Nam); và dự án “Nhà máy điện rác tận dụng nhiệt thừa của lò đốt rác thải công nghiệp” cho CTCP nước – môi trường Bình Dương (Biwase), khu liên hiệp xử lý rác thải Bình Dương. Tổng mức đầu tư của hai dự án này vào khoảng 650 tỷ

đồng (bao gồm: các chi phí về thiết kế lập dự án, mua máy móc trang thiết bị, thi công lắp đặt, chi phí mặt bằng và các chi phí liên quan khác). Trong giai đoạn một, hai dự án cần khoảng 385 tỷ đồng để triển khai (trong đó, hiện tại, 70% là vốn vay). Vì vậy, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2018 với số vốn tăng là 165 tỷ đồng, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 285.000.000.000 (Hai trăm tám mươi lăm tỷ) đồng. Thông tin về đợt phát hành như sau:

1. Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Số lượng cổ phiếu phát hành : 16.500.000 cổ phiếu
4. Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá) : 165.000.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm tỷ) đồng
5. Mục đích : đầu tư cho hai dự án: “Đầu tư sản xuất hơi – điện và sấy hèm” và “Nhà máy điện rác tận dụng nhiệt thừa của lò đốt rác thải công nghiệp”
6. Số lượng nhà đầu tư (dự kiến) : 03 (Ba)
7. Đối tượng phát hành : Bà **Trần Kim Sa**
Ông **Nguyễn Thanh Quang**
Bà **Trần Ngọc Phụng**
8. Giá phát hành (dự kiến) : 10.000 đồng/cổ phiếu
9. Hạn chế chuyển nhượng : toàn bộ số cổ phần trong đợt phát hành riêng lẻ này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành
10. Thời gian dự kiến phát hành : Quý IV-2018, sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận
11. Vốn điều lệ (dự kiến) sau đợt phát hành : 285.000.000.000 đồng
12. Xử lý cổ phần không bán được : trong trường hợp kết thúc đợt phát hành, số cổ phần dư, chưa được phân phối hết sẽ được coi là số cổ phần chưa phát hành. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phần phát hành theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã được phân phối cho nhà đầu tư trong đợt này

14.2. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Ban lãnh đạo Công ty đang tiến hành xây dựng kế hoạch triển khai một số dự án liên quan tới lĩnh vực sản xuất điện năng sạch kết hợp với xử lý rác thải, dựa trên công nghệ độc quyền Lò hơi tầng sôi đốt Biomass của Công ty, bao gồm:

❖ Dự án “Đầu tư sản xuất hơi – điện và sấy hèm”

Địa điểm đầu tư: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Đối tác: Công ty cổ phần nhà máy bia Heineken Vũng Tàu

Công suất thiết kế: 75 tấn hơi nhiệt/giờ

Tổng mức đầu tư: 510.000.000.000 đồng (Năm trăm mười tỷ đồng)

❖ Dự án “Nhà máy điện rác tận dụng nhiệt thừa của lò đốt rác thải công nghiệp”

Địa điểm đầu tư: khu liên hiệp xử lý rác thải Bình Dương, tỉnh Bình Dương

Đối tác: Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương (BIWASE)

Công suất thiết kế: 4.600 KWH

Tổng mức đầu tư: 142.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ đồng)

Ngành năng lượng luôn rất quan trọng cho sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam, do đó, đây luôn là một ngành được Chính phủ quan tâm phát triển. Phương hướng phát triển ngành năng lượng sạch của Chính phủ Việt Nam là hướng tới phát triển ngành năng lượng bền vững, gắn liền với sự phát triển của năng lượng xanh (gió, mặt trời,...) và năng lượng tái tạo (năng lượng sinh khối: mùn cưa, trấu, phụ phẩm nông lâm nghiệp). Định hướng tới năm 2025, Việt Nam có thể khai thác 3.000 – 5.000 MW, công suất sản lượng hơn 10 tỷ kWh từ năng lượng xanh và năng lượng tái tạo.

Ngoài ra, với tư duy đổi mới để phát triển, Công ty đã không ngừng tìm tòi thêm các lĩnh vực hoạt động mới có biên lợi nhuận cao và ổn định, nhằm mở rộng hơn hoạt động kinh doanh của mình. Trong những năm gần đây, Ban lãnh đạo Công ty đã nghiên cứu và nhận thấy triển vọng phát triển của ngành nuôi trồng thủy hải sản ở Việt Nam, đặc biệt là ngành chế biến sản xuất bột cá ở các tỉnh ven biển thuộc đồng bằng Sông Cửu Long, đây cũng là địa bàn hoạt động lâu năm của Công ty. Ngành nuôi trồng thủy hải sản được xem là một trong những ngành mũi nhọn và được sự quan tâm hỗ trợ từ Chính phủ với Quyết định số 332/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về đặt mục tiêu phát triển dài hạn cho ngành thủy sản Việt Nam. Do đó, Hội đồng quản trị của Công ty đang nghiên cứu và định hướng phát triển thêm mảng hoạt động trong ngành này với Dự án nhà máy sản xuất bột cá ở Bình Dương. Đây được đánh giá là bước phát triển trong tầm tay của Công ty khi mà các địa bàn hoạt động truyền thống của Công ty cũng là nơi mà ngành nuôi trồng thủy hải sản rất phát triển, hơn thế nữa, công nghệ hơi nhiệt của Công ty sẽ hỗ trợ rất lớn trong quy trình sản xuất bột cá.

14.3. Chiến lược phát triển của công ty trong những năm tới

Trong những năm tiếp theo Công ty cố gắng phấn đấu vượt qua khó khăn hiện nay và ổn định, phát triển hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện tại thị trường miền Nam và Nam Trung Bộ.

❖ **Tuân thủ pháp luật:**

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

❖ **Công tác tổ chức nhân sự:**

Công ty tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp các cấp để ổn định và phát triển doanh nghiệp, quản lý chặt chẽ việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh; Rà soát tổ chức từng đơn vị, phòng ban Công ty, xem xét bổ nhiệm, bố trí công việc cán bộ một cách phù hợp, kịp thời để tận dụng năng lực và nguồn lực cán bộ nhân viên; Thực hiện việc tái cấu trúc Doanh nghiệp, nếu cần thiết, thông qua các tổ chức chuyên gia có kinh nghiệm, giúp bộ máy lãnh đạo hoạt động một cách trơn tru và có hiệu quả.

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích tính sáng tạo, năng động cho người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV Công ty.

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, tin cậy, trẻ hoá đội ngũ quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

❖ **Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh:**

Hội đồng quản trị thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các nghị quyết và chỉ đạo Ban quản lý Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thể hiện qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính đều đạt được và vượt mức đề ra so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty

Tập trung rà soát, xây dựng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mục tiêu chiến lược là tập trung vào giá trị cốt lõi và mánh có thể mạnh của Công ty; không ngừng cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất lao động.

❖ **Công tác kinh tế kế hoạch, tài chính:**

Xây dựng kế hoạch tài chính là nền móng quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn lập ra các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung và dài hạn một cách cụ thể để từng bước thực hiện có hiệu quả nhất, tránh để hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn; tính toán phân bổ hợp lý các nguồn vốn cho từng dự án trong thời gian cụ thể nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Công ty luôn chủ động, tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán; tạo dựng mối quan hệ bền chặt với các tổ chức tín dụng để thu xếp vay vốn phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh khi cần, đồng thời, chủ động trong việc thu hồi các khoản vay nợ, tín dụng của các khách hàng, đối tác kinh doanh trong quá trình sản xuất. Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

Huy động vốn ứng trước của các chủ đầu tư, đối tác thi công dự án trong các hợp đồng thiết kế xây dựng; sửa đổi quy chế, quy định giao khoán nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế.

❖ **Phát triển nguồn nhân lực:**

Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng; ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ chuyên gia kỹ thuật có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời, Công ty cũng quan tâm tới việc trẻ hóa lực lượng CBCNV Công ty.

Công ty không ngừng nỗ lực xây dựng hình ảnh môi trường làm việc thân thiện, năng động, và hiệu quả bằng việc quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để

mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ, khuyến khích CBCNV học hỏi, tìm tòi, phát triển và hoàn thiện bản thân.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán SJC đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, Chúng tôi nhận thấy rằng lĩnh vực đang hoạt động của Doanh nghiệp là một lĩnh vực đầy tiềm năng, đang trên đà phát triển, đồng thời, phù hợp với điều kiện, định hướng phát triển kinh tế của đất nước và được Nhà nước ủng hộ. Giá cả các yếu tố đầu vào trên thị trường cũng có xu hướng ngày càng ổn định hơn, cùng đó là chính sách bình ổn giá cả các sản phẩm dịch vụ của Công ty, giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, đối tác cũng như là Doanh nghiệp tránh được những bất ổn không đáng có. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như của nền kinh tế vĩ mô ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho giai đoạn 2018 – 2019 là có cơ sở và khả thi. Công ty có cơ sở để đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo như kế hoạch cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn niêm yết, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế vĩ mô, lĩnh vực tư vấn, thiết kế, lắp đặt và đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện tại Việt Nam, cũng như của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niêm yết cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo đối với các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký niêm yết

Không có.

PHẦN V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/ cổ phiếu

3. Mã chứng khoán

DDG

4. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch

Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 12.000.000 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

5.1. Hạn chế chuyển nhượng của người nội bộ và cổ đông lớn là người có liên quan

Theo quy định tại khoản d Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết của Công ty là 5.381.500 cổ phiếu chiếm trên 44,85% vốn điều lệ; tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm kể từ ngày niêm yết là 2.690.750 cổ phiếu chiếm trên 22,42% tổng số cổ phiếu.

Bảng 24. Số cổ phần bị hạn chế

Đơn vị: cổ phần

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Nguyễn Thanh Quang	Chủ tịch HĐQT	1.500.000	750.000

2	Trần Kim Sa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.500.000	750.000
3	Trần Kim Cương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	500.000	250.000
4	Nguyễn Trung Quốc	Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	37.500	18.750
5	Tạ Thị Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT	500.000	250.000
9	Ngô Hoàng Yên	Kế toán trưởng	224.000	112.000
10	Trần Ngọc Phụng	Cổ đông lớn là người có liên quan với Người nội bộ	1.120.000	560.000
	Tổng cộng		5.381.500	2.690.750

Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

5.2. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập

- ❖ Theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ra ngày 26/11/2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.”

STT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
1	Trần Ngọc Phụng	Cổ đông sáng lập	320.000	14/6/2016- 14/6/2019
	Tổng cộng		320.000	

Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

6. Phương pháp tính giá

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu DDG tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Bảng 25. Giá trị sổ sách

Chỉ tiêu	30/09/2018	31/12/2017	31/12/2016
Vốn chủ sở hữu (A) (đồng)	137.285.940.527	133.382.723.871	123.955.384.688
Số lượng cổ phần đang lưu hành (B) (bình quân)	12.000.000.000	12.000.000	12.000.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B) (đồng)	11,440	11.115	10,330

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC 9 tháng năm 2018 của Công ty

6.2. Phương pháp định giá

a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên và các phương pháp định giá phù hợp khác, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DDG sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam có hiệu lực ngày 01/09/2015, và Thông tư 123/2015/TT-BTC ban hành ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính có hiệu lực ngày 01/01/2015.

Tại thời điểm 07/08/2018, số lượng cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) tại Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương là 0 cổ phần (tương đương 0% trên tổng số cổ phần).

8. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với Công ty:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng hiện nay là 10%

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

❖ Đối với nhà đầu tư:

Theo Nghị định 165/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC hướng dẫn ngày 15 tháng 08 năm 2013 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán. Đồng thời, lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, còn có các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Địa chỉ: Số 3 ngõ 1295 Giải Phóng, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 02439745080/81/81

Fax: 02439745083

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Website: www.cpahanoi.com

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán & kiểm toán phía Nam

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838205944/47

Fax: 02838205942

Email: info@aascs.com.vn

Website: www.aascs.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty cổ phần Chứng Khoán SJC

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3911 9999

Fax: 028 3911 8888

Email: info@sjcs.com.vn

Website: www.sjcs.com.vn

PHẦN VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục II : Điều lệ Công ty;

Phụ lục III : BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC 9 tháng năm 2018;

Phụ lục IV : Giới thiệu văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP
XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP
XUẤT NHẬP KHẨU
ĐÔNG DƯƠNG

QUẬN 3 - T.P. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH QUANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN KIM SA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGÔ HOÀNG YÊN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN VĂN THẢO

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐIỂM LY